



KHUẤT  
ĐẦU

NGHĨ  
VĂN VỀ  
CUỐI  
ĐỜI

*tản văn*

Tú Sách T. Văn & Ban Hữu  
2022

## KHUẤT ĐẦU



“... Những tản văn ngắn đời nhất của ông không phải là các sản phẩm chặt đầu chặt đuôi cho vừa với chiếc hộp Internet từ yêu cầu của người đọc hôm nay như ông nói, nhưng chúng thật sự là những tác phẩm tiêu biểu của một ngòi viết sắc sảo có cái nhìn soi rọi và chuẩn xác của một người đã thông qua hết mọi đời và mọi diễn biến xã hội được ngòi bút ấy biểu cảm một cách tinh tế...” (Mặc Lâm RFA)

NGHĨ  
VỀ  
VỢ  
CUỐI  
ĐỜI

MDI

**KHUẤT ĐẦU**

**NGHĨ VẤN VƠ,  
CUỐI ĐỜI**

tản văn

**Trình Bày: T.Vấn**

**Tranh Bìa: Mê Cung – Thanh Châu**

**Ấn Bản Điện Tử  
do  
T.Vấn & Bạn Hữu**

**Thực Hiện**

©Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu 2022

©Khuất Đầu 2022

**KHUẤT ĐẦU**

**NGHĨ VẤN VƠ,  
CUỐI ĐỜI**

tản văn



# MỤC LỤC

## MỞ

- 01- Chết trong tự do 003
- 02- Còn lại gì sau khi chết 012
- 03- Sống ở trên đời 018
- 04- Quê hương tôi, xứ dân Hời 023
- 05- Quê ngoại của các con tôi 032
- 06- Nói láo, nghe láo 040
- 07- Lại bàn về cái sự nói láo 046
- 08- Phương diện quốc gia 052
- 09- Đói trị và No trị 057
- 10- Kiện 063
- 11- Tôi thực sự cảm thấy xấu hổ 069
- 12- Mùa thu của các trưởng lão 075
- 13- Ba chàng thi sĩ tên Sơn 079

- 14- Nghe tin Du Tử Lê mất . . .090
- 15- Một mình qua phố 098
- 16- Tiếng nước tôi 103
- 17- Nỗi buồn mang theo 110
- 18- Những bông hoa 114
- 19- Đất nước này . . .120
- 20- Những chiếc lá 123
- 21- Hết biết 127
- 22- Nhục chưa rửa . . .130
- 23- Chồng tôi là một nhà thơ 135
- 24- Tình già 138
- 25- Khổ vì sách 144

**ĐÓNG**

## MỞ



*Khuất Đầu nhìn bởi Thân Trọng Minh*

Cách đây gần 7 năm (2015), nhà văn Khuất Đầu, khi ấy vừa qua tuổi 75, sau một loạt những tác phẩm truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn tạo được nhiều chú ý cả ở hải ngoại lẫn trong nước, ông bỗng “chuyển hướng”, gửi đến TV&BH những bài viết ngắn rất độc đáo. Khi ấy, chúng tôi đã dành riêng một chuyên mục “[những trang viết ngắn](#)” để gửi đến độc giả khắp nơi những suy tư về mọi vấn đề của đất nước, của con người, từ một nhà văn 75 tuổi sinh sống ở Việt Nam. Sau gần 60 bài viết nhỏ, nhà văn “nghỉ bút”. Nhưng tiếng vang của những bài viết ngắn đã đi xa, đi rộng hơn cả những mong đợi.

Nhà báo Mặc Lâm của đài RFA nhận xét:

“... Những tản văn ngắn mới nhất của ông không phải là các sản phẩm chặt đầu chặt đuôi cho vừa với

chiếc hộp Internet từ yêu cầu của người đọc hôm nay như ông nói, nhưng chúng thật sự là những tác phẩm tiêu biểu của một ngòi viết sắc sảo có cái nhìn soi rọi và chuẩn xác của một người đã thông qua hết nẻo đời và mọi diễn biến xã hội được ngòi bút ấy biểu cảm một cách tinh tế . . .”

Ở tuổi xấp xỉ 80, nhà văn sau một thời gian dài “im tiếng” đã quay trở lại với lối viết ngắn đầy thuyết phục của ông mà ông gọi là “nghĩ vấn vợ, cuối đời”.

Khi ấy, chúng tôi đã mong rằng ông sẽ đủ sức khỏe, đủ hứng khởi để gửi đến chúng ta những trang viết ngắn mà nhiều độc giả yêu mến ông hằng mong đợi.

Sau khoảng thời gian gần 1 năm, ông đã gửi đến TV&BH 25 bài viết (ngắn) cũng với sự cô đọng như “những trang viết ngắn” trước đó 7 năm. Nay, để mừng nhà văn đã vượt qua ngưỡng 82 hiếm có, chúng tôi gom góp lại và gửi đến quý độc giả tập “Nghĩ vấn vợ, cuối đời” của nhà văn Khuất Đầu với hy vọng rằng đây không phải là tác phẩm cuối cùng của nhà văn.

**T.Vấn & Bạn Hữu**



## CHẾT TRONG TỰ DO

*(tặng Hoàng Hưng)*

Cùng với cái lạnh hiu hiu của đất trời lúc giao mùa, là cái lạnh thiên thu do cái chết của chị bạn tôi từ bờ tây nước Mỹ đưa tới. Chị cùng tuổi với tôi, phải nói con số 80 rất tròn và rất đẹp.

Vài năm gần đây, những người thân quen đi vào cõi trời quên khá nhiều. Có buồn đấy, nhưng mà buồn chút chút vậy thôi, chứ không có gì lo vì chưa đến lượt mình. Có nghĩa rằng đau tim, đau phổi, đau gan...đương nhiên là phải chết. Chứ đau lưng vì cái cột sống thoái hóa thì hãy còn lâu.

Nhưng khi nhận được tin chị bạn qua đời vì tuổi già, tôi giật thót mình, cảm thấy cái chết đã đứng sát ở sau lưng tự lúc nào rồi. Có vẻ như nó vừa vỗ nhẹ lên vai tôi, và khi tôi quay lại, nó ra dấu bảo sắp đến cái thời khắc cuối cùng của mày rồi đó. Hãy thu xếp nhanh nhanh lên.

Thì đúng là phải “về thu xếp lại”. Như Trịnh Công Sơn, yêu rất nhiều và được yêu cũng lắm. Thu xếp những cuộc tình, thật rối rắm và bận rộn xiết bao. Hay như tổng Trọng, cả một núi củi vừa khô vừa tươi, không biết đến hết thế kỷ 21 này có đưa hết vào lò hay chưa.

Còn tôi, tình chỉ như một con sông nhỏ đã cạn nước từ lâu, và đời, chỉ là một công dân hạng hai ngay cả cái quyền cơ bản nhất là quyền làm người cũng không có, thì có nhiều nhận chi đâu mà phải thu xếp. Cho nên cái chết chỉ cần “ơi” lên một tiếng là tôi có mặt ngay!

Bảo rằng nôn nao đợi chờ cái chết là nói lấy được, nhưng cảm thấy lòng thật bình yên là nói thiệt.

Từ nay, Trump cứ việc tuýt thả dàn, Kim young Un cứ việc thử bom nguyên tử, Tập Cận Bình cứ việc gầm gừ ở biển Đông. Thương chiến Mỹ Trung có

đưa đến thế chiến thứ 3 thì cũng mặc. Bãi Tư Chính có mất đi thì cứ để nhà nước “no”. Sát sườn nhất là xăng và điện có thể bị đẩy lên cao chót vót thì vợ con tôi xụ mặt chứ tôi vẫn cứ phải tươi tỉnh để mà đón ông bạn vàng đáng ghét kia. Rầu rĩ thì ông ấy hành cho lên bờ xuống ruộng.

Dường như các nhà làm văn nghệ suốt một đời dài ưa nói về tình yêu mà ít nói về cái gọi là sự chết. Cũng phải thôi, nói tới chết ai mà không sợ. Bên trời tây, người ta hình dung thần chết là một bộ xương khoác áo choàng đen với hai hàm răng trắng hếu, tay cầm lưỡi hái. Phía trời đông, cái chết là những con ma chưa hề có ai trông thấy nhưng lạ một điều là ai cũng biết rất tỏ tường. Ma le có lưỡi dài tám thước, ma da chon tuột như rong rêu ở dưới sông, ma Hời thư bụng phình to như cái trống, ma lai rút ruột trong đêm tối bay đi ăn phân người. Phân ai rơi vãi bị nó ăn là phải chết!

Còn trong truyện **Người tử tù**, tôi đã cho cái chết hiện ra như thế này:

... Có một lúc người tù nhìn mặt được cái chết. Nó khác hẳn với những gì anh đã nghĩ tới và tưởng tượng ra.

Nó không phải là con quỷ nhập tràng với hai chiếc răng nanh luôn nhỏ máu.

Nó cũng không phải là một yêu nữ xoa tóc, đêm đêm chui vào giường để hút hết tinh lực của những anh chàng đại gái.

Nó không mang đôi cánh đen dài lướt phượt với lưỡi hái trong tay.

Nó cũng không nhe hàm răng trắng nhõn mà không một tiếng cười.

Nó không phải vậy.

Nó như anh!

Nó cũng buồn rầu mỗi mệ, cũng đơn độc bi thiết như bị bỏ rơi. Cặp mắt nó đen, sâu thẳm, nhưng không như hai hốc mắt của đầu lâu, mà sâu êm đến nỗi người ta có thể bình yên chui tuột vào đó.

Bằng cách nào? Từ lòng đất chui lên, từ trong các hốc đá bò ra, hay từ trời cao đáp xuống?

Anh không rõ. Anh chỉ thấy nó ở bên mình, gần gũi thân quen, như đã từng chung sống với nhau dưới một mái nhà.

Hắn ngồi xôm trên đất, hai bàn tay với những ngón dài và nhỏ, ôm lấy hai đầu gối tựa cằm lên, tai hơi vểnh như sẵn sàng lắng nghe những lời khóc than xin xỏ. Hắn chỉ nhìn, không nói. Hắn ân cần một cách tinh tế. Hắn như cha đạo đứng trước con chiên trong giờ phút lâm chung.

Khi nhìn thấy hắn, anh ngạc nhiên đến độ muốn kêu lên. Anh nhìn hắn từ đầu đến chân với cái nhìn thô bạo. Như muốn sờ nắn xem hắn có thật hay không. Anh muốn vỗ vai, nhắc bồng hắn lên. Anh không tin hắn giống mình. Nhưng khi nhìn thấy cái nụ cười hơi điệu cợt, hơi lạnh lẽo buồn rầu của hắn xuyên lướt qua tim óc, thì anh tin là hắn có thật. Hắn chỉ khác anh cái hơi lạnh đặc biệt chỉ có hắn mới toát ra được.

Đúng là y như một con người. Hắn giống anh như hai anh em song sinh. Nhưng cái hơi lạnh ấy lại làm cho hắn không phải người, cũng không phải cái bóng, lại càng không phải là một ảo ảnh.

Hắn ngồi gọn gàng, nhỏ nhắn, với một dáng vẻ hết sức dễ thương, y như một cô gái vừa rụt rè vừa tình tứ, đang ngồi bên cạnh chàng trai yêu dấu của lòng

mình. Hai bàn chân hắn ngấp sâu trong bụi đỏ và đôi mông hắn chạm đất khít khao.

Rõ ràng là như thế, nhưng cũng thật lạ lùng là hắn như đang có vẻ lửng lơ. Hắn như đang ngồi giữa khoảng không, nhìn anh với cái nhìn kiên nhẫn của kẻ biết cách đợi chờ.

Đột nhiên, anh cảm thấy run sợ. Anh thực sự bối rối trước cái nhìn của hắn, như con chuột bắt gặp cái nhìn của con mèo. Anh thôi không dám nhìn hắn. Cái hơi lạnh kỳ lạ không ngớt tuôn ra từ đôi mắt đẹp của hắn, như hai luồng nhân điện trong mắt người thôi miên. Nó làm cho bao nhiêu xương cốt của anh như sắp tan ra, giống như con sứa với trái tim thoi thóp sắp tan chảy dưới ánh mặt trời...

Và khi hắn nâng bàn tay xương xẩu của hắn lên, định đặt vào phía bên trái ngực anh, nơi trái tim nhỏ bé nhưng dũng mãnh đang cố thủ, thì anh cũng đặt tay lên ngực mình, quyết không cho bàn tay bẩn thỉu của hắn chạm vào. Anh ngẩng cao đầu thách đố.

Nhưng cái chết rất khôn ngoan và lịch lãm. Hắn đã đoán trước phản ứng của anh, nên bằng một cử chỉ thân mật, hắn đặt tay lên vai anh, vỗ vỗ. Tức khắc, hắn làm dịu ngay cơn hốt hoảng của anh. Và, bằng

cái nhìn của một người tình hứa hẹn sẽ hiển dương trọn thể xác nhưng chưa phải lúc này, hấn đứng dậy cáo từ. Đôi môi mỏng của hấn bỗng trở nên âm áp với một nụ cười tuyệt diệu.

Cho đến khi hấn mờ dần rồi tan loãng, anh hãy còn ngẩn ngơ. Anh vẫn chưa tin được cái chết sao lại dịu dàng, dễ yêu mà cũng dễ ghét đến như thế.

... Anh bỗng trở nên khúc mắc, ngại ngùng. Anh cảm thấy rõ rệt là cùng lúc vừa mong hấn tới, lại vừa mong hấn bận gì đó không tới. Anh nửa muốn được giải thoát vì những khổ đau nhục nhã hết chịu đựng nổi, nửa hãy còn bịn rịn không muốn rời xa cuộc sống. Anh hãy còn xúc động khi nghe trái tim vẫn đập bồi hồi trong lồng ngực. Trái tim trề chí tội nghiệp vẫn thoi thóp lên tiếng đòi được sống, cho dù là sống trong cuộc lưu đày.

Anh nhìn xuống cái thân thể quạnh hiu, nghèo nàn của mình. Nó giống như một chiếc áo tời tàn sắp bỏ lại trên trần gian. Những tay, những chân, những môi, những miệng, xác xơ như thế này còn giữ lại cho ai! Anh bây giờ như một cây bị tước trụ lá, như một hải đảo trên một cái biển chết không còn nước.

Anh trơ ra với nỗi vô duyên thừa thãi. Chỉ có lũ quạ đen là thực sự chờ mong anh với tất cả thèm thuồng.

... Sau cùng, thì hấn cũng đến. Hấn mang theo một cái bọc đen ngòm. Hấn đến sát bên anh như một bác sĩ ân cần đến thăm con bệnh. Anh không còn đủ sức để chào mời hay đuổi xua. Anh để mặc hấn muốn làm gì thì làm.

Đầu tiên, hấn vuốt ve chân tay anh. Bàn tay quý quái của hấn chạm tới đâu là hơi lạnh tràn theo tới đó. Rồi hấn lôi từ trong bọc ra những thỏi đen dài mịn như than đước. Hấn nhẹ nhàng luồn vào hai chân anh. Rồi hai tay. Rồi bụng. Và sau cùng là đầu. Những thỏi đen khô rỗng hút nước nhanh như bọt biển.

Anh cảm thấy cả người đen như đêm ba mươi. Hấn cũng đen. Chỉ có trái tim anh rực sáng và bất ngờ bay vọt ra khỏi lồng ngực.

Bay, bay vút lên trời cao với đường bay xanh biếc như sao băng.

Chết như thế đúng là chết như mơ. Nhưng đó là chết trong tiểu thuyết. Còn chết ở ngoài đời, có lẽ khổ nhục nhất là cái chết của Chúa. Cho dù cây chữ thập



dùng để đóng đinh Chúa sau này trở thành cây thánh giá, cũng không ai mong được chết như vậy.

Tôi vừa gặp Hoàng Hưng, người mà 37 năm trước đây phải vào tù vì được thi sĩ Hoàng Cầm tặng cho tập thơ viết tay Về Kinh Bắc. Sau 1000 đêm mưa trắng đêm, ra tù rồi, vẫn muốn cùng vợ nằm nghe mưa rồi chết.

Chết như thế không phải chết ngông, mà chết thật sững vì được chết bên cạnh người yêu và chết trong tự do cùng với tiếng mưa rơi thánh thót.

Khác với chết trong đồn công an với một sợi dây thun tự siết cổ mình, có thể gọi là “chết tự chọn” thì khó khăn và khổ sở làm sao.

Vậy thì, chết oi, chào mi. Ta phải chết, đương nhiên rồi, nhưng xin cho ta được chết trong tự do chứ không phải chết trong tự chọn.

*1/9/2019*

## CÒN LẠI GÌ SAU KHI CHẾT?

Chết là hết.

Thì đúng là hết thờ.

Hết nói. Hết cười.

Hết ăn. Hết ngủ.

Hết sướng. Hết khổ.

Nhiều thứ hết lắm.

Cả một đời đều chấm hết.

Nhưng hãy còn cái xác kia, vẫn chưa hết làm khổ cho những người còn sống.

Cả một đống việc. Nào mua sắm áo quan, nào lo nhà đòn, nào mời thầy tụng hay cha cố làm lễ, ...rồi phải thay người chết vái lạy trả lễ những người đến phúng điếu.

Giờ, có cái mốt để Phật dẫn đường như police ngồi xe phân khối lớn, cầm gậy chạy trước các đoàn xe đón đưa khách VIP. Sau Phật là các vị hòa thượng, áo vàng sáng lóa, bàn tay trắng múp với năm ngón chuối ngự vừa lằn trằng hạt vừa tụng niệm ê a. Đội kèn ta thì i eo xàng xê liu cồng. Đội kèn tây thì nhạc Trịnh đi đầu loanh quanh cho đời mỗi một... rồi xây mồ ộp đá, rồi cúng thất cúng tuần ... bia rượu đãi đảng.

Đúng là mệt muốn...chết luôn!

Tôi chỉ mong một chiếc hòm gỗ tạp, bốn cậu con trai khiêng ra xe, rồi vèo một cái ra nghĩa địa, không trống không kèn, lấp đất thế là xong. Chỉ sợ, bị làng nước cười chê là bất hiếu, chúng nó lại phải bày ra đủ trò!

Đám tang của người Việt mình, đã mấy ngàn năm bắt chước Tàu ồn ào không chịu được, là vậy đó. Muốn thoát Trung, thì ngay sau cái chết hãy tổ chức tang lễ như người Tây, yên lặng và trang nghiêm, buồn nhưng không bã.

Nhưng đây là gia tang của thường dân, to hơn một chút là của đại gia, còn quốc tang của các vị trong tứ trụ thì cực kỳ hoành tráng, khỏi phải nói.

Mới đây, ngài nguyên chủ tịch nước không phải “đang sống bổng sang từ trần” mà chờ hoài đến hơn 100 năm mới chịu đi gặp Bác. Nhà tang lễ ở Hà Nội sáng choang với hàng trăm vị chức sắc đã mất chức hay đang tại chức, còm lê đen bóng lộn, sắp hàng hai theo cấp bậc lớn trước nhỏ sau, lần lượt đến phúng viếng. Trong không khí làm ra vẻ thành kính nhưng không được linh thiêng, nên có một vị nhoèn miệng cười rất tươi khiến cho báo chí vừa giật mình vừa thích thú.

Mạng xã hội, cái mạng mà người đứng đầu văn hóa tư tưởng của đảng bảo đó là cái xa lộ có nhiều làn, nhà nước muốn cho chạy làn nào chỉ được chạy làn đó, lạng quạng là bị cảnh sát tư tưởng tuýt còi. Thế mà không hiểu sao, lại cứ bàn tán khen chê ì xèo đến cả tháng trời mới dứt.

Ngoài cửa chòm của nôi, các ngài còn để lại một thứ mà các vị trong bộ cò tờ ai cũng muốn nhưng không dễ gì tranh được. Như chiếc ghế số 2 của ngài Đại Quang. Theo nhẽ thì bà chị phó được quyền ngồi lên cho sướng một đời, nhưng vì không có chân trong bộ cò tờ nên cực chẳng đã ngài tổng bí, dù đang nhẽ nhại mồ hôi vì phải đốt lò, vẫn phải mỗi ghế ngồi một chút, hết tổng sang chủ, rồi hết chủ sang tổng,

thành ra cụ cứ loay hoay hoài, chẳng còn thì giờ đâu mà làm việc nhón.

Sống ngọt nghét đến bốn phần năm thế kỷ, tôi nhận ra một điều đáng buồn của những tên độc tài. Đó là sống và chết trong lo sợ.

Sợ bị mưu sát.

Sợ bị trả thù.

Ngất ngưỡng trên đỉnh quyền lực tên nào cũng tưởng cái bóng của mình bao trùm hết cả thế giới. Có biết đâu rằng khi lịch sử sang trang, thì những cái bóng cho dù đồ sộ như của Hitler, của Lê Nin, Stalin, Mao Trạch Đông...cũng không thể tồn tại trong bóng tối.

Có lẽ sớm nhận ra như thế, nên Phidel Castro, là một nhà hùng biện trước khi trở thành một kẻ độc tài, đã không cho làm quốc tang, không xây lăng, không dựng tượng, chỉ để một tảng đá trên mộ mà thôi.

Những tượng Lênin bị kéo ngã ở đông Âu, ở Mông cổ chắc hẳn đã làm ông giật mình, nên chi mới có

một sự thu xếp phải nói là khiêm tốn và rất khôn ngoan như vậy.

Các bạo chúa ngày xưa còn hơn thế nữa. Như Tần Thủy hoàng. Dù đã xây cả một cung điện ngầm với hàng trăm cung phi bị chôn sống cùng với hơn 3000 lính đất nung, vẫn phải ngụy trang thành một ngọn đồi cao và to, trồng cây gây rừng mãi đến cuối thế kỷ 20 mới có một anh nông dân nghèo tình cờ khám phá.

Còn Tào Tháo, nổi tiếng là một kẻ gian hùng, thì mộ chôn giấu ở đâu đến nay vẫn là một bí mật còn hơn cả phần không được chiếu sáng của mặt trăng.

Sau khi chết, cái gọi là miệng đời, tức là những phẩm bình của hậu thế, sẽ quật đập toi bời những cái uy danh hão, lột truồng ra để phơi bày sự thật.

Stalin, hiu hiu tự cho mình là kẻ chiến thắng phát xít, Mao Trạch Đông tự phong là người cầm lái vĩ đại, sau khi chết, hóa ra là những tên đồ tể giết người. Số người chết dưới tay họ nhiều gấp nhiều lần số người chết trong thế chiến thứ hai.

Trở lại đời thường, một người có cuộc sống hẩm hiu, là nhạc sĩ Trúc Phương, khi chết, tài sản chỉ có

mỗi một đôi dép cùn. Thế nhưng cái ông để lại là hàng trăm nhạc phẩm, vẫn được tiếp tục hát qua nhiều thế hệ.

Nữ Điêu khắc gia Diễm Phùng Thị để lại cho nước Pháp và xứ Huế quê hương những pho tượng đẹp và những mẫu tượng để xếp hình độc đáo. Suốt một đời, bà chỉ ca tụng cái đẹp và tình mẫu tử, thì không một kẻ ngu nào dám đập phá tượng của bà.

Còn Yersin, một ông tây thuộc địa, đã chọn xóm Cồn Nha Trang nghèo đói và nhiều bệnh tật, để sống, để yêu thương và để chết, thì tượng của ông cũng không bao giờ bị xô ngã vì đã được dựng giữa trái tim của những người dân đã để tang cho ông như tang cha.

Vậy thì, nếu không đủ sức đủ tài làm cho đời đẹp hơn, thì cũng xin đừng vì cái ác cái hèn mà làm cho đời xấu hơn.

Hãy trân trọng cái lưu danh muôn thuở và phải biết sợ cái lưu xú vạn niên.

*3/9/2019*

## SỐNG Ở TRÊN ĐỜI...

*Sống ở trên đời ăn miếng dỗi chó*

*Chết xuống âm phủ biết có hay không!*

Tôi vốn yêu chó, dù không phải là nhân vật thẳng Chó đẽ trong **Những tháng năm cuồng nộ**, sống được là nhờ bú sữa chó.

Yêu chó vì cái tính trung hậu của nó, chứ không phải vì thịt của nó thơm đến nỗi dính kẽ răng 3 ngày sau vẫn còn thơm.

Vậy nên cái tiếng than thơm mùi củ riềng nói trên không thể thốt ra từ cửa miệng tôi.

Tôi cũng không phải hội viên của hội bảo vệ súc vật, nên cũng không hề thù ghét những người yêu thịt chó, coi món mọc tồn là quốc hồn quốc túy.



Rào đón quanh co như vậy vì tôi rất sợ bị ném đá. Giờ, chưa phải là lúc yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét.

Vừa mới đây, nghe đâu những ai yêu thơ của Vũ Lập Nhật, trong đó có già làng Nguyên Ngọc, liền bị chửi là một lũ điên.

Yêu thơ mà còn bị chửi như vậy huống hồ là yêu chó.

Chỉ nhiều đó thôi, đủ để thấy rằng sống được ở trên đời này, nó khó khăn (và chó má) làm sao.

Tuy nhiên, đã không may được sinh ra làm người, nhất là người dưới chế độ XHCN tốt đẹp gấp vạn lần chế độ TB này, thì dù khó khăn (và chó má) đến đâu cũng phải cố mà sống.

Có một dạo sau 75, quyển sách Sống như anh của Phan thị Quyên, vợ của Nguyễn Văn Trỗi, nổi như cồn. Tuy rằng lúc ấy Mỹ đã cút, nhưng cái cách anh thợ điện đặt chất nổ dưới gầm cầu Công Lý mưu giết bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mac Namara, được coi là một cách sống oai hùng.

Và, một nhân vật trong kịch tuyên truyền là Lê văn Tám, tự tâm xãng biến mình thành đuọc sống, đốt cả kho xãng của Pháp cũng một thời đuọc dùng làm biểu tượng cho học trò cả nước noi theo.

Rồi Chí Phèo một tay cùng đĩnh nát rượu nhưng lại là thành phần cốt cán của giai cấp bị bóc lột, nên đuọc đưa vào sách giáo khoa và đuọc dựng thành phim, nổi tiếng đến nỗi xó xĩnh nào cũng có những hậu Chí Phèo quây tá lả bùng binh, ngay cả những nơi đáng kính và (đáng sợ) như đồn công an.

Cái cách dạy và học như thế, giới xích lô ba gác miền Nam gọi là “xúi trẻ nhỏ ăn cứt gà”. Giờ không ai đại gì học cách sống như vậy nữa, để rồi khi chết đi, chẳng những không đuọc khen mà còn bị cười chê là chết đại!

Cụ Nguyễn Tuân, cây bút tài hoa với Vang bóng một thời, có lần ngồi ở Helsinki thủ đô nước Phần Lan, trong cái lạnh tái tê, bỗng nhớ đến phở, bèn viết nên một thiên tùy bút ngon thắm thía, nhưng về nước bị ném đá, may mà không chết. Có kẻ xin cụ mách nước để qua cơn hoạn nạn. Cụ nói thâm, như chỉ để riêng cụ nghe: “Phải biết sợ”!

Tô Hoài, theo tác giả Đền Cù, trong một lần đứng xem đoàn tù giặc lái, cũng xông ra giả vờ đánh chửi theo kiểu con đé mèn. Hỏi sao ông là nhà văn mà lại làm vậy, cụ cười bảo, không làm vậy ở đó mà sống được sao?!

Thế nên, biết sợ và giả vờ, hóa ra là nghệ thuật sống (sót) dưới thời CS. Đây mới thực là những bài học xương máu, không chỉ riêng giới cầm bút mà cả giới cầm liềm, cầm búa.

Nhưng với giới cầm quyền và cầm tiền thì lại khác. Nguyễn Bá Thanh quyền một cõi ở Đà Nẵng, nhưng khi ra Hà Nội cũng chỉ là một anh chạy hiệu, thế mà lớn tiếng tuyên bố vung vít đòi chém tất tần tật. Chưa chém được ai, đã lặn ra chết.

Trần Bắc Hà, chỉ dưới một người nhưng trên vạn người, nắm trong tay mấy ngân hàng cực lớn, khi về hưu chưa kịp vui thú điền viên đã bị sò gáy và chết ngoài hiện trường (chữ dùng của cơ quan chức năng để phân bua chết trên đường đi bệnh viện chứ không phải chết trong tù)

Con sáo hót quá hay, chết vì tiếng hót.

Con công có bộ lông quá đẹp, chết vì bộ lông.

Hai vị nói trên chết vì cái miệng.

Vậy thì, sống (sốt) ở trên đời này, ngoài nghệ thuật biết sợ, biết giả vờ, còn phải biết cam mồm, phải biết giả bộ lú, giả bộ ngọng.

Xem ra, sách Nghệ thuật sống của Lâm Ngữ Đường nổi tiếng khắp thế giới, chẳng thể nào áp dụng cho những ai lỡ kẹt mà phải sống trên mảnh đất hình chữ S (có sứt mẻ chút ít) này.

Còn tôi sống thế nào à? Thì sống mòn. Sống dai đến những 80 năm, chẳng những mòn mà phải nói là cùn. Giống như chiếc chổi đã cùn tới tận cán, ngòm là vừa!

## QUÊ HƯƠNG TÔI, XỨ DÂN HỒI

Quê tôi, một miền quê thuần nông, nghèo nhưng không đến nỗi đói, nằm cạnh sông Kôn, con sông lớn nhất tỉnh Bình Định chảy qua thành Đồ Bàn với rất nhiều huyền thoại.

Từ hiên nhà nhìn ra, sáng chiều và ngay cả trong những đêm tối trời, tôi vẫn thấy tháp Bánh Ít ở trước mặt, như hai búp măng non mọc lên từ lòng đất.

Xa hơn về phía tây, vượt hẳn khỏi những lũy tre ở quê ngoại, là tháp Cánh Tiên rực vàng trong nắng sớm và đỏ thắm trong những buổi chiều tà.

Bên kia sông, cái bóng đồ sộ của một ngọn tháp không rõ tên ở xã Nhơn Thành lại in xuống nước rục rỡ như một khối ngọc khổng lồ.

Và khi đi vào cửa ngõ thành phố Qui Nhơn, lúc nào tôi cũng có cảm giác tháp Đôi như hai anh em song sinh dễ thương đang đứng đón chào.

Như vậy, bốn mặt đông tây nam bắc ở quê tôi đều có tháp. Tháp thờ những ai không biết vì trong lòng tháp trống không chỉ có những mảnh gạch vỡ và những con dơi bay lượn. Nhưng trong cảnh điêu tàn hiu hắt ấy nó vẫn không mất đi cái vẻ thiêng liêng rất hùng vĩ.

Những ngọn tháp đều xây trên những ngọn đồi thấp nhỏ, thuở ấy hãy còn hoang sơ lắm. Nhìn từ xa, trông giống như bầu vú của một người mẹ đang nằm mà tháp là cái núm be bé xinh xinh cho các con bú mớm.

Sự liên tượng ấy càng làm cho những ngọn tháp trở nên thân mật, gần gũi chứ không bí hiểm xa lạ.

Có vẻ như người xưa chung sức chung lòng, xây tháp là để ngợi ca cuộc sống bất diệt, chứ không

phải vì sự bất tử của các pharaon như kim tự tháp ở Ai Cập.

Họ đổ mồ hôi, nhưng không đổ máu. Họ ca hát và nhảy múa sau khi hoàn thành chứ không khóc than rên rỉ dưới đòn roi.

Những ngọn tháp vì vậy hãy còn vươn lên mạnh mẽ dưới trời xanh, dù rằng những chủ nhân thật sự đã phiêu tán tận đâu đâu.

Dù là nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng tôi chỉ thấy ngậm ngùi chứ không dám tự hào. Vì những ngọn tháp đó là của dân Hời, đâu phải của ông cha tổ tiên tôi.

Cũng như tháp Eiffel là của người Pháp, tháp Big Ben là của người Anh, tượng Nữ thần Tự Do là của người Mỹ... Những di dân bất đắc dĩ người Việt cho dù nhận những nơi ấy làm quê hương thứ hai, cũng không thể và không nên tự hào. Con cháu họ 500 năm sau chắc vẫn còn thao thức tự hỏi quê hương đích thực của mình ở đâu?

Lần theo vết xe của lịch sử, tôi kinh hoàng nhận ra kinh thành Đồ Bàn, cách đây trên 500 năm, (1471) đã bị vua Lê Thánh Tông cho quân lính san bằng, để

lại ba mươi vạn thủ cấp và bắt đem đi hai mươi vạn nô lệ.

Có thể các nhà viết sử thời ấy đã thêm thắt thổi phồng để làm vừa lòng nhà vua. Nhưng dù thế nào, cũng đến non một nửa dân Hời bị bắt và bị giết. Vị vua được coi là anh minh nhất hóa ra là một kẻ xâm lược tàn bạo.

Sau cuộc chinh phạt, về nước vua liền xá tội cho các tù nhân bị án tử, đưa họ vào đất Đồ Bàn đầy những con ma không đầu, coi như tha chết nhưng lại bị lưu đày biệt xứ. Họ rất có thể là ông cha tổ tiên xa xôi của tôi.

Hình ảnh những thân người gầy còm, cổ mang gông chân mang xiềng, kết lại thành từng chùm, lê lét qua đèo qua phá, nhiều đêm lướt qua tâm trí tôi như những oan hồn trong thập loại chúng sinh của thi hào Nguyễn Du.

Cũng có thể, ông cha tổ tiên tôi là những dân nghèo từ các ruộng đồng chiêm trũng, từ những vùng sơn cước hay từ những miền nắng gió bão bùng ở châu Hoan châu Ái, bị vua quan ép buộc phải rời bỏ quê hương để vào nam khai phá vùng đất vừa mới chiếm được.



Họ cũng giống như những cư dân ở các thành phố miền nam bị chính quyền CS đưa đến các vùng rừng thiêng nước độc với mỹ danh rất kêu là đi kinh tế mới.

Số phận của ông cha tổ tiên tôi phải nói là cực cùng bi thảm. Không kể chết đường chết sá, chết bờ chết bụi, chết sông chết biển, nếu đem được tằm thân tàn tới được Đồ Bàn còn tanh mùi máu, thì còn phải chết vì đói, vì bị dân Hời nửa đêm mò tới cắt cổ để trả thù.

Trong số hàng vạn những con người cùng khổ ấy may ra chỉ còn sống sót được vài ngàn người.

Suốt ngày, dưới cái nắng cháy da cháy thịt hay trong cái lạnh thấu xương họ phải chôn lấp những xác chết đang thối rữa, thu nhặt những xương trắng phơi đầy đồng, rồi từ đó làm ra hạt lúa củ khoai, sống còm cõi trong nỗi nhớ quê da diết.

Đồ Bàn xưa cũng như Sài Gòn nay, một khi đổi chủ là bị thay tên đổi họ. Đã không còn là Chà Bàn của Chế Bồng Nga mà là Quy Nhơn biên trấn xa xôi của dòng họ nhà Lê, rồi của chúa Trịnh\*.

Nhờ Trịnh Trình mách bảo, Nguyễn Hoàng đã xin vào Hoành sơn, trở thành chúa Nguyễn chia đôi bờ cõi bắc nam. Được các hậu duệ chiêu dụ, các nhân tài miền bắc lần lượt trốn vào nam, biến Quy Nhơn trở thành nơi đất lành chim đậu. Trong số đó có Đào Duy Từ người đã xây lũy Thầy và lũy Trường Dục bên bờ sông Gianh và Hồ Phi Phúc lập nghiệp ở Tây Sơn thượng đạo, sản sinh ra Tây Sơn tam kiệt.

Khi đại binh của vua Quang Trung tiến ra đất Bắc, chắc thế nào cũng có cháu con của những người tù biệt xứ . Dù đã trải qua bao đời, nhưng cái giấc mộng về thăm cố hương cũng vẫn còn, nếu không muốn nói là cháy bỏng hơn bao giờ. Có lẽ nhờ vậy mà cuộc hành quân trở nên thần tốc: chỉ mới 5 ngày mà đã vào đến Thăng Long. Được bước đi trên đất cố đô giữa lúc máu quân thù chảy thành sông, xác thù chất thành gò, trong khí xuân thơm mùi thuốc súng, là cả một thoáng huy hoàng của họ.

Tôi nói một thoáng, vì sau đó Tây sơn sụp đổ, đất Quy nhơn lại máu chảy đầu rơi còn hơn cả lúc vua Lê chiếm được Đồ Bàn.

Thành Quy Nhơn lại bị đổi tên thành Bình Định và ấp Tây Sơn của Nguyễn Huệ bị đốt phá san bằng, chỉ sót lại một cây me con nay đã trở thành cổ thụ.

Nguyễn Ánh và triều Nguyễn sau đó đã tiến hành một cuộc trả thù tàn khốc và dai dẳng. Ngoài việc truy lùng những danh tướng như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và tất cả những ai cầm giáo theo Tây Sơn, còn cấm tiệt không được ai nhắc nhở đến họ.

Mãi 200 năm sau, bà tôi vẫn phải sợ hết hồn khi đưa cháu nhỏ là tôi, lúc học bài sử đã “rống” lên thật to: vua Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh...

“Gọi là ngụy chó sao dám gọi là vua”, bà tôi khẽ khàng dặn cháu.

Cái từ “ngụy” đầy hận thù và khinh miệt ấy sau này được bên thắng cuộc tròng lên đầu lên cổ bên thua cuộc, xuất phát là từ đó.

Khi tôi được sinh ra và lớn lên, cái nỗi đau nhớ quê của tổ tiên cũng đã phai mờ dần. Và dân Hời cũng không còn một người nào sinh sống ở đất Đồ Bàn nữa. Nhưng cái tiếng Hời vẫn không mất đi. Nào hời

hời khi mẹ ru con, nào ma Hời, mả Hời, vàng Hời, giếng Hời...

Tuy chưa hề trông thấy những con ma Hời sờ soạn đất nhau đi như Chế Lan Viên đã thấy, nhưng tuổi thơ tôi vẫn luôn ám ảnh về bóng dáng của dân Hời. Tôi như thấy họ đang đóng gạch xây tháp, xuống sông lấy nước đi thành hàng dài, và mỗi lần soi mặt xuống giếng vuông của họ, tôi đều giật mình tưởng chừng như họ đang trốn núp đâu dưới đó...

Một đôi khi, có một vài người da nâu thẫm, mặc toàn đồ trắng, quần khăn trắng đến các phiên chợ ngồi bán thuốc làm bằng rễ cây. Họ cười nói chào mời, nhưng trong đôi mắt họ vẫn chất chứa một nỗi buồn sâu thẳm, nỗi buồn của những kẻ đã bị cướp mất quê hương.

Không ai viết lại được lịch sử, có nghĩa rằng, không ai có thể thay vua Lê trả lại thành Đồ Bàn cho họ. Nhưng sao không ai dám, như chính phủ New Zealand và Australia có một lời xin lỗi chân thành với thổ dân, vì ông cha họ đã tàn sát và xâm chiếm đất đai bạt ngàn của người bản xứ.

Chẳng những chúng ta nợ họ một lời xin lỗi, mà còn chịu ơn họ đời đời.

Chịu ơn những ngọn tháp, những tượng Chàm. Chịu ơn những nỗi buồn và cả những nỗi nhục.

Đề không bị như họ, chúng ta phải rút ra bài học mạnh mẽ hơn.

Rằng, đừng khóc cho quê hương, mà phải đứng dậy.

Lúc này, khi bọn Tàu phù đang lăm le xâm chiếm vùng trời vùng biển nước ta, ai có súng thì dùng súng, ai có dao thì dùng dao. Ai không có gì hết thì xuống đường và giã như tôi, thì dùng bút.

5/9/2019

*\*Thành phố Qui Nhơn hiện giờ nằm cách thành cũ Đồ Bàn khoảng hơn 20km.*

## QUÊ NGOẠI CỦA CÁC CON TÔI

Tôi không đủ đức tính ngang tàng và bạo mẽ bạo miệng như nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, để có thể tặng vợ bốn câu thơ trời ơi đất hỡi như thế này:

*Ta vốn ghét đàn bà như ghét cứt*

*Nhưng vì sao ta lại yêu em?*

*Ôi mắt em nhìn như là bầy chuột*

*Ta quàng xiên nên đã sa chân.*

Tôi cũng sa chân nơi quê ngoại của các con tôi, nhưng không phải vì mắt em nhìn như là bầy chuột, mà vì nơi đây có những hàng cau rất giống với quê nhà và vì lỗ kẹt không chịu trình diện quân địch nên không thể rút chân đi đâu được.

Ồ quê tôi không hiểu cái nước uống nó thế nào mà khi nói ai cũng ngửa cổ lên như khướu hót, cứ “dây na? dây na?”. Còn ở đây thì cổ như mắc nghẹn giống nhái kêu, các từ chứa âm a đều biến thành e, rằng đừng có nói léo, hãy đưa teo tờ béo!

Tuy nhiên ngẫu nhĩ trùng phùng cũng có được cái may, miền đất này rất thái hòa nên được gọi là Ninh Hòa, Khánh Hòa. Nhà thơ Quách Tấn còn gọi một cách rất thơm tho là xứ trầm hương.

Đúng là rừng núi ở xứ này từng có một thời lừng danh vì có rất nhiều trầm kỳ.

Có một loại cây tên cây dó chỉ mọc ở rừng sâu, khi bị gió bão làm cho cành cội toi bời, liền tiết ra một chất nhựa quý có vị cay cay đắng đắng, chữa bệnh hay một cách thần kỳ, nhất là đau bụng gió, nên được gọi là kỳ nam. Ngoài kỳ, còn có trầm, tuy không chữa được bệnh, nhưng đốt rất thơm. Cụ Nguyễn Du viết “đốt lò hương ấy so tơ phím này”, là đốt trầm.

Xưa, các cụ thường xông trầm khi đọc sách, thưởng trăng. Trung thu còn có thêm hương hoa cúc và hương mạch nha, lễ mẽ công phu như trong Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân.

Những người đi tìm hương liệu cực kỳ quý hiếm ấy trong rừng sâu gọi là đi điếu. Điếu là phải mang tất cả đồ đoàn trên lưng như các bà mẹ Ra đê điếu con, chứ không phải ăn chơi sành điệu. Họ là những người nghèo thường đi từng nhóm từ 3 đến 5 người, lặn lội trong rừng sâu núi cao cả tháng mới về.

Không phải người nào cũng trúng, tức là được ông bà thương cho gặp cây dó có kỳ. Thường là chỉ một được chút ít của những người gặp may để sót lại. Có người đi cả đời vẫn chưa một lần gặp được. Rồi thương tật, rồi bệnh chóng nước từ núi rừng mang về, kiếm được bao nhiêu trăm đều phải đổ ra mua thuốc, nghèo lại hoàn nghèo. “Ăn của rừng, rung rung nước mắt” là vì vậy

Xưa nhiều người đi lạc, đồn rằng để sống sót trong rừng phải ăn thịt sống, nên hóa thành ...cọp! Tiếng đồn “cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận” biết đâu là từ những câu chuyện huyền hoặc như thế.

Có thể nói, đi tìm trầm không khác gì đi tìm cái chết, vì phải đối mặt với biết bao gian khổ, chết chóc. Ngoài việc tin vào “ông bà”, tin vào ở hiền gặp lành, còn phải tin vào bùa ngải, nên mới có thành ngữ ngậm ngải tìm trầm.



Nhưng đó là chuyện trước đây, giờ ít ai chịu khổ làm nghề đi điệu nữa. Một phần vì bao nhiêu cây dó, có kỳ hay không cũng bị chặt phá, đào cả gốc rễ, nên đi cả năm cũng chưa chắc “trúng”. Và phần lớn vì các tay đầu nậu vừa ăn trên đầu trên cổ họ, vừa ăn gian nói dối với người mua, đem chút ít kỳ thiệt đun ra nước rồi ngâm với gốc cây dưới giả làm kỳ, hay nhét đinh nhét chì vào cho nặng cân. Các tay buôn kỳ từ Hồng Kông, Ả rập vì thế đều no no chạy dài.

Khánh Hòa chẳng những có rừng sâu mà còn có núi cao. Trên đỉnh nam Trường Sơn thường lẫn trong mây mờ, có hai tảng đá khổng lồ, nhìn xa trông giống như hai mẹ con đang đứng nhìn ra biển nên được gọi là đá Vọng Phu. Nhạc sĩ Lê Thương trong một lần đi ngang qua Khánh Hòa, trông thấy bà, đã đem xúc cảm từ Chinh phụ ngâm mà sáng tác nên trường ca hòn Vọng Phu bất hủ.

Trong số các con tôi có một đứa bảo với mẹ rằng, mỗi lần về quê nhìn thấy núi Vọng Phu con đều muốn khóc. Tiếc rằng cu cậu không có chút năng khiếu nào về âm nhạc và thơ thì bảo rằng làm cho lắm cũng chỉ nổi tiếng được vài câu mà thôi.

Nơi đây còn nổi tiếng với tháp Bà linh hiển ở Nha Trang. Tháp nằm bên bờ sông Cái, ngó xuống cầu Xóm Bóng và nhìn ra biển Đông sóng vỗ. Xưa, dân Chiêm rất giỏi nghề đi biển, sau khi vượt trùng khơi trở về, từ xa nhìn thấy ngọn tháp, là biết đã về đến quê hương.

Cũng giống như ở Bình Định, tháp là của người Hời. Khi chúa Nguyễn vượt qua ranh giới tại núi Đá Bia do Lê Thánh Tôn áp đặt, để dần dần chiếm trọn đất nước Chiêm, thì tháp Bà biến thành tháp của người Việt, thờ mẫu đọc theo giọng Việt là Thiên Y A Na.

Khi tôn tạo, để ra vẻ Hời, người ta xây thêm một cổng chào khum khum bằng gạch mộc, chẳng ra Hời mà cũng chẳng phải Phật, trông rất nhếch nhác dị hợm.

Tượng của Po Anagar bằng trầm hương bị Pháp lấy mất đầu được thay bằng xi măng sơn phết lờ lợt, mặc áo đội mũ như đồng bóng ngồi giữa khói hương mù mịt cho khách thập phương, phần lớn là vợ các quan to đương chức, xì xụp bái lạy xin giữ được ghế càng lâu càng tốt. Bên ngoài, một đám gái nồn nường phấn son diêm dúa giả Chiêm nữ uốn éo múa

may, trong tiếng trống mẹ trống con lum tum lắc cắc và phèn la não bạt từng xèng...

Bảo rằng đây là văn hóa truyền thống ngàn xưa, thì truyền thống ba rọi này đâu phải của người Chiêm!

Những dân Hời sống sót sau cuộc bại trận ở Đồ Bàn, chạy dạt vào miền đất sau núi Đá Bia ở Phú Yên, một lần nữa lại bị các đời chúa Nguyễn và nhất là vua Minh Mạng tận diệt, ai nộp được nhiều đầu lâu là được thăng cấp, nên có từ thủ cấp nghe rất rùng rợn

Giờ, chỉ còn co cụm một dóm tại các vùng đất đai khô cằn ở Phan Rang, sống còm cõi với những con dê và cừu ốm đói, không tìm ra cỏ phải ăn cả gai bàn chải. Thử hỏi có ai trong số họ đủ tiền và đủ quyền để được bước vào ngôi tháp của tổ tiên?

Càng nghĩ tôi càng thấy, những kẻ cầm quyền hiện giờ còn ác hơn cả vua chúa ngày xưa. Họ trưng tráo đến nỗi coi việc cướp đất như chuyện đã rồi, không cướp không được, và giả dối gọi dân tộc Hời là dân tộc anh em, như cách nhà họ Tập gọi Việt Nam là nước anh em. Thà gọi đích danh là dân tộc ít người còn dễ nghe hơn.

Vậy nên, nào có mong chi một lời xin lỗi!

Nhiều người bảo, đất Khánh Hòa như một nước Việt Nam thu nhỏ. Rất giàu và đẹp. Có rừng nhiều gỗ quý, có biển nhiều cá tôm, có ruộng lúa mênh mang, mà người dân lại hiền hòa. Dưới con mắt các nhà quân sự, còn có cảng Cam Ranh vừa sâu, vừa kín gió, mà Nga Mỹ và cả Trung Nhật đều thòm thèm. Về kinh tế, vịnh Vạn Phong là nơi rất béo bở để xây dựng khu chế xuất, cho thuê đất lấy vàng.

Nếu không có cuộc xuống đường gần như cả nước ngày mùng 10 tháng sáu năm ngoái, thì mấy trăm vị dân biểu đã bám nút ô kê rồi và nhiều tay cò đất đã trở thành đại tỷ phú!

Bãi biển Nha Trang và Dốc Lết, cát trắng và mịn, đi bên nhau dưới bóng dừa thật nên thơ. Giờ thì từng đoàn xe to kèn và dài ngoằng từ Trung Quốc chạy sang, đổ xuống bãi biển hàng ngàn kẻ giàu mà chưa sang, có 6000 năm văn hiến nhưng thiếu văn hóa, quần cộc bụng mỡ nị nị ngộ ngộ ồn ào như cả một bầy chim cánh cụt.

Ai cũng kêu trời, chỉ có một nữ văn nhân xa xứ đến hơn 50 năm, về nước khen Việt Nam mình rất khôn ngoan biết cách moi tiền từ túi anh nhà giàu. Rằng,

các em từ đây không phải xuống ruộng bị đĩa cắn, rằng ngày làm hai job trong nhà hàng máy lạnh mát mẻ, rằng Hoàng Sa, Trường Sa, giờ thêm bãi Tư Chính có bị lấy mất cũng được thôi, vì miếng ngon nằm phơi ra như thế ai mà chẳng thèm.

Còn có kẻ, chắc như đinh đóng cột là dư luận viên, thì tin những gì nị nói chứ không tin những gì nị làm, bảo rằng chỗ nào có Quảng là của ngộ ló. Đã có Quảng Đông, Quảng Tây, thì Quảng Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi không của nị thì là của ai. Cũng như Vũng Tàu thì đứt đuôi con nòng nọc là của Tàu rồi!

Khom lưng quỳ gối hít đàn anh như thế, thì thôi rồi, con cháu tôi chắc sẽ thành dân Hời. Và khi đó, đúng là anh em vì cả hai cùng bị mất nước!

6/9/2019

## NÓI LÁO, NGHE LÁO

*Nói lão mà chơi nghe lão chơi*

*Tản Đà (dịch thơ Vương Ngự Dương)*

Những người cỡ tuổi tôi không ai là không thích Liêu Trai chí dị của Bồ Tùng Linh. Cách đây gần 500 năm, thư sinh họ Bồ tuy học giỏi nhưng lận đận mãi đến hơn 70 tuổi mới thi đậu. Chưa kịp làm quan thì đã chết. Cuộc đời của ông, tưởng chừng không ai có thể khôn khổ hơn.

Nghèo, tám thân lưu lạc không nuôi nổi vợ con, phải ăn nhờ ở đậu, đêm thu buồn quá đem bút mực ra ngồi viết chuyện ma quỷ, kể cả những chuyện thật người thật đã từng gặp trong đời. Viết chơi để đây, mãi đến 50 năm sau khi chết mới có người thương mà khắc chữ để in.

Sinh thời, có người bạn làm đến chức thượng thư, chắc là để trả ơn cu mang, đã đưa bạn đọc chơi. Không ngờ, giống như Bá Nha gặp Chung Tử Kỳ, người bạn họ Vương đọc nghe đã quá, bèn cảm tác một bài tứ tuyệt, tuy ăn theo nhưng cũng nổi tiếng không kém.

Bài thơ nguyên tác như sau:

Cô vọng ngôn chi vọng thính chi

Đậu bằng qua giá vũ như ty

Liệu ứng yếm tác nhân gian ngữ

Ái thính thu phần quý xướng thi.

Tản Đà, cũng nổi danh học giỏi, nhưng giữa lúc chữ nho suy tàn, chữ quốc ngữ được giá bèn bỏ bút lông thay bút sặc, viết văn làm báo, nhưng cũng chẳng khá gì hơn, vì thời nào nhà văn An Nam cũng khổ như chó (Nguyễn Vỹ). Chẳng những phục tài mà còn đồng cảm với Bồ Tùng Linh, nên thi sĩ họ Nguyễn với tất cả tài hoa và lận đận đã dịch như trút cả tâm sự của mình vào. Một bản dịch tuyệt hay:

Nói láo mà chơi nghe láo chơi

Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi

Chuyện đời đã chán không buồn nhắc

Chỉ thích nghe ma đọc mấy lời.

Thì đúng là chuyện đời, như chuyện một ông quan về hưu họ Tô sàm sỡ cháu nhỏ trong thang máy, chuyện hai ông thứ trưởng bộ trưởng gì đó tham nhũng hơn 3 tỷ đô, chuyện củi lửa của ngài tổng chủ, chuyện bãi Tư Chính bị tàu của nước lạ hấn xọc vào thăm dò..., chán quá nhắc làm chi nữa.

Học thói ông Bô tôi cũng thử nói láo mà chơi như thế này. Xin gõ trên máy để các bạn nghe láo chơi.

Mộng dữ

Mèo Mao, sau khi được bốn vua của nhà nước chuột CS tự xưng đón tiếp với tất cả cung kính và sợ hãi, liền vuốt ria bảo với đám cận thân. Rằng, thì là, hảo ló! hảo ló!, bọn chuột ở đất phương nam này vẫn là tôi mọi của ta. Mèo Tom đừng hòng đem cái TPP ra mà thu phục được chúng. Rồi đó, Mao đánh một giấc dài, tin rằng sẽ gặp toàn mộng lành.



Nhưng không!

Vừa đặt mình xuống giường nệm lò xo, Mao bỗng thấy một ông lão râu dài, chứ không phải chuột, cầm hèo mây gõ liền lên trán ba cái. Tuy gõ nhẹ nhưng Mao thấy buốt tận óc. Chưa kịp mở miệng miao miao thét gọi vệ sĩ, đã bị ông lão xách tai như xách con thỏ ném ra khỏi phòng. Tại đây, phùng phùng một đám lực sĩ ngực trần xâm hình thuần luôn, lôi Mao đi.

Mao bị đưa tới một đồng lửa vây quanh cả ngàn người tay cầm chèo vung lên như mã tấu. Mao kinh hãi nghĩ thầm, thôi chết ngộ đời. Cái này là chúng muốn lột da nướng muối ớt mình đây. Ôi cha mẹ ơi!

Đang lúng túng chưa biết thoát thân bằng cách nào thì có tiếng quát bảo lạnh lạnh:

“Thằng giặc Mao kia, mi có biết tội của mi không?”

“Miao! Miao”!

“Giả ngộ không biết hả? Đây là đám ngư phủ đã bị tàu hải cảnh của mi xua đuổi. Biển của ta, tôm cá của ta, sao mi dám ngang ngược lấn chiếm, cướp đoạt?”

“Miao! Miao”!

“Xé xác nó ra”!

“Ném nó xuống biển té thần”!

Những tiếng thét căm hờn bắn vọt ra như tia lửa. Mao run sợ co rúm, nằm mẹp trên đất.

Lúc này, lại thấy ông lão cầm hèo mây nói với đám người đang giận dữ. Ông bảo, “tội lớn nhất của nó là tương cả nước này chỉ toàn lũ chuột, nên vác cái mặt mèo qua đây lúc nào cũng vênh vênh váo váo. Hãy cho nó thấy ông cha của nó đã từng sống trong sợ hãi và ô nhục như thế nào, để mà biết lẽ độ”.

Thế là Mao bị nắm đuôi kéo qua một cái gò cao kỳ dị. Tại đây Mao nghe rền rĩ muôn ngàn tiếng khóc than của những con quỷ không đầu. Những con quỷ xin Mao đưa hồn về cố quốc.

Cái gò ấy là gò Đống Đa.

Rồi Mao được đẩy xuống thuyền len lách giữa hàng ngàn cọc nhọn. Tiếng sóng vỗ ì oạp, tiếng binh khí lách cách, tiếng thét tiếng gào cùng với khói lửa ngút trời. Mao cứ tưởng trong trận Xích Bích.

Nhưng hỏi ra, đây là sông Bạch Đằng, Mao càng kinh hãi.

Chưa hết, Mao bị nhét vào ống đồng lăn đi trên sỏi đá, nghe long kong như búa nện vào đầu. Đến một hẻm núi sương mù giăng trắng, mùi tử khí bốc lên ngùn ngụt, lò mờ hai chữ Chi Lăng, Mao được đặt lên lưng ngựa nhưng chưa kịp chạy thoát đã bị quân sĩ trong hẻm núi đổ ra chém. Khi nhát kiếm chạm vào cổ, Mao sợ hãi kêu thét lên, tỉnh dậy. Mồ hôi túa ra ướt nhẹp cả nệm, Mao cũng ướt như chuột lột.

Sáng hôm sau, đọc diễn văn trước quốc hội nhà nước chuột CS tự xưng, Mao không còn cái vẻ khệnh khạng khinh khỉnh nữa. Mà có vẻ nhũn vì nỗi hãi hùng của những cơn mộng dữ vừa qua.

*(Mèo chuột ký sự)*

## LẠI BÀN VỀ CÁI SỰ NÓI LÁO

Nói láo cùng một nghĩa với nói dối. Nhưng từ láo nghe “đã” hơn từ dối. Cho nên tuy là người núi Tản sông Đà, nhưng cụ Nguyễn cũng phải dùng đến tiếng miền nam để dịch vọng ngôn và vọng thánh. Nếu dùng từ dối, tác giả Thề non nước chắc đã không được người cùng thời tôn là thi bá.

Nói dối mà chơi nghe dối chơi!

Nghe nó mộc mạc và ngớ ngẩn làm sao.

Thế mới biết cái tiếng Việt nó cũng nhiều màu sắc và độ dao dấp lắm.

Các hủ nho ngày xưa chê nôm na là cha mách quế, lúc nào cũng tử viết coi chữ Hán là chữ của thánh hiền. Khi được xem bản dịch Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm, Tỳ bà hành của Phan Huy Vịnh và nhất là khi đọc Kiều của Nguyễn Du mới chịu sáng con mắt ra.

Đến Hồ Xuân Hương thì bọn họ đâm ra ngọng nghịu, ú ớ:

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông

Nó bảo nhau rằng ấy ái uông!

Ca dao đối đáp cũng đã phân định thắng thua từ lâu rồi:

Hỏi:

Nhà em tội lỗi vì đâu

Mà em lại chổng phao câu lên trời ?

Đáp:

Nhà em chẳng tội tình gì

Nếu em không chổng lấy gì anh xoi!.

Đấy, chỉ là nhời của các chị đi cấy lấy công thôi đấy nhé. Chẳng những đợc đáo mà còn đáo để nữa!

Xem ra nữ quyền đã có từ khuya chứ đâu phải đến bây giờ mới có. Một số các nhà văn nữ qua đến Mỹ thấy sao mà phụ nữ họ vùng lên quá, cũng me too và phát cờ vùng lên. Họ bắt đầu ăn nói vung vít, chửi tưới hột sen, chưa đã, còn đem cái của để dành của

mình ra mà viết truyện giường chiếu. Các đảng mày râu cứ tưởng là bị đập cho bẹp dí. Nào ngờ họ cười thâm, sướng nữa là khác vì đọc các mợ còn phê hơn cả xem phim cấp 3. Họ đâu có chịu thua một cách tâm phục khẩu phục như đọc thơ Hồ Xuân Hương và nghe hò đối đáp.

Nói láo cũng đồng nghĩa với nói những gì không đúng sự thật. Nguyễn Văn Thiệu được người miền nam nhớ tới không phải vì những việc làm không ích nước lợi nhà của ông mà vì câu nói để đời: “đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn những gì cộng sản làm”.

Những gì họ làm non nửa thế kỷ qua người miền nam đã nhìn mãi mãi! Từ chuyện sống trên vựa lúa mà phải ăn bo bo đến chuyện hòn ngọc viễn đông biến thành một đồng xà bần hồ lớn. Rồi từ Liên xô vĩ đại đến Trung Quốc chữ vàng, đúng là nói láo toàn tập. Nếu tất cả những sách họ in ra để ca tụng mình, ca tụng lẫn nhau và để chửi các thế lực không thân thiện, thì nếu gom lại thành đồng dám cao hơn nóc nhà Everet của thế giới. Và nếu đem tính số thì lá phổi của trái đất, tức rừng Amazon cũng tiêu tủng luôn vì phải xay thành bột để làm ra giấy!

Nhưng họ không nói láo mà chơi, họ nói láo thiệt, thế mới ngắc ngư con tàu đi. Cái điều cười không nổi ấy là họ tin họ nói thiệt. Và bắt mọi người cũng phải tin là thiệt. Ai ngắc ngư không tin, đi cải tạo là cái chắc.

Trở lại chuyện nói láo mà chơi và nghe láo chơi của hai vị tiền bối họ Bò và họ Vương. Đọc truyện quỷ ma tưởng rằng láo mà hóa ra là thiệt. Nào chuyện mua quan bán tước, nào chuyện quan đầu huyện dữ như chó sói, chuyện loạn lạc giặc giã nổi lên như rươi, đến cả chuyện đêm đêm nữ hoàng hành lạc với trai tân trong bóng tối rồi cho người thủ tiêu...cả một bức tranh xã hội khổng lồ đã được phơi bày tít tần tật những gì xấu xa đồi bại nhất của phong kiến Trung Hoa.

Vì phải sống dưới thời vua quan cũng nói láo toàn tập, nên họ Bò mới phải mượn chuyện quỷ ma để nói tới chuyện đời. Nhờ cách nói chơi kiểu giả đại qua ả mà ông còn giữ được cái đầu nằm trên cổ mình.

Thương thay và đáng kính trọng thay.

Giờ, cái anh internet quỷ tha ma bắt từ nước Mỹ đáng ghét kia, bỗng dung xuất hiện quyền uy còn

hơn cả đức chúa Trời, tung lên trời những đám mây vô hình, nhưng lại đủ sức chứa hàng tỉ tỉ sự thật. Nó bay lượn khắp nơi, đem sự thật đến với mọi vùng miền, kể cả những nước toàn trị bao quanh bởi bức màn tre hay bức màn sắt. Chỉ trong vài phần trăm giây là nó hiện ra đủ hình đủ vẻ, lồ lộ trần trụi không cách gì mà che đậy được.

Tưởng chừng từ nay thấy mắc cỡ quá phải dẹp bỏ loa phùng, xóa sổ cái gọi là hội nhà (v)ăn, nào ngờ cái nhà nước nói láo toàn tập này lại càng nói láo nhiều hơn, dã man hơn chẳng những vẫn nuôi báo cô bọn nhà v(ăn) bắt tài mà còn lập ra cả một binh đoàn đông đến hàng vạn lính chửi thề, đặt dưới quyền điều khiển của một vị tướng ba sao, để chỉ chống lại... sự thật.

Thực ra những nước xếp tận đáy bảng xếp hạng nhân quyền của liên hiệp quốc, biết là đã thua từ khi pháo lệnh mới nổ ra, tức đến ới máu nhưng vẫn làm ra vẻ biết lấy gậy ông đập lưng ông, mà Huawei là từ con chót biến thành con hậ trên bàn cờ thế.

Ừ, không phá tan được những đám mây quỷ ám, thì tìm cách chui vào các kẽ hở. Huawei, trong nước thì làm chỉ điểm để giúp cảnh sát trị dân, ngoài nước thì



ăn cắp bí mật quốc gia, trong đó hời nhất là những tin tức quốc phòng và kinh tế.

Cuộc chiến tuy thầm lặng mà rất dữ dội đến nỗi tổng thống Trump phải xếp Kim Jung Un thử bom nguyên tử qua một bên để sẵn sàng nghênh chiến, mà lệnh cấm bán các hệ điều hành cho Huawei là một cú hỏa tiễn tầm xa đánh trúng đích.

Việt Nam tuy lợi về mặt kinh tế nhưng cũng méo mặt về nhân quyền. Những cuộc biểu tình liên tục ở Hồng Kông đã cho mọi người thấy rõ sức mạnh kinh hồn của internet. Người hiền Nguyễn Thiện Nhân tuy nói giọng bắc nhưng gốc nam, giữ được cái ghế bí thư thành ủy cũng là nhờ đảm bảo với Trung ương sẽ không để xảy ra biểu tình.

Hóa ra biểu tình là thù trong còn đáng sợ hơn cả giặc ngoài.

## PHƯƠNG DIỆN QUỐC GIA

*Nghĩ mình phương diện quốc gia*

*Quan trên ngó xuống người ta trông vào*

*(Nguyễn Du)*

Cái phương diện quốc gia không biết nó to và (đáng sợ) đến cỡ nào mà một ông quan mặt sắt đại thần như Hồ Tôn Hiến, sau khi bắt Kiều bỏ mặc xác chồng nằm đấy để suốt đêm đánh đàn, hầu rượu, đến lúc hầu chẵn gói, thì giật mình tỉnh rượu, tuy thèm rở dãi mà vẫn phải đành nuốt nước bọt đem gả cho thẳng thô quan.

Giá như không sợ cái phương diện quốc gia ấy, cứ thoải mái vậy cuộc mây mưa xong rồi nạp vào hậu

cung thì chưa chắc Kiều đã nhảy xuống sông Tiền Đường.

Chính vì thấy cái phẩm cách của Kiều, dù có đẹp nghiêng nước nghiêng thành, cũng chỉ là một con đĩ không xứng với cái phương diện quốc gia bề thế của mình, nói theo kiểu bây giờ là không cùng một đẳng cấp, nên mới thấy ra cho một tên tù trưởng.

Vì muốn cho Kim Kiều tái hợp và để cho mọi người thấy, dù làm đĩ đến những mười lăm năm với những cuộc vui đầy tháng trận cười suốt đêm, cái trinh tiết của nàng cũng hãy còn cho dù chỉ còn một chút, nên tuy thương yêu hết mực mà cụ Nguyễn không ngờ đã làm hại nàng. Bởi vì cụ đã không để cho nàng chết một cái chết đáng lẽ phải chết. Tức là chết ngay dưới chân Từ Hải, nếu không thì cũng lấy đàn đập vào đầu mà chết trước mặt Hồ Tôn Hiến. Chết như thế là chết vì tình nghĩa phu thê, chết rất sạch, chẳng cần gì đến nước của cả một con sông mới rửa sạch được cái tội vừa mới giết chồng mà lại lấy chồng.

Nhưng đó là phương đông, chứ ở phương tây thì lại khác. Phương diện quốc gia nằm ở cái hộp chứa đầy những nút bấm đủ loại vũ khí từ hỏa tiễn liên lục địa có gắn đầu đạn hạt nhân đến bom nguyên tử. Nên

khi một chị điếm già tố Trump đã từng ăn bánh mà không trả tiền, tức là chơi quyt, dẫu có đưa ra tòa cũng bị tòa xử trót quót, và Trump cứ việc tuýt búa xua.

Trước đó, tổng thống Clinton còn “chơi ngay” một em nữ tập sinh tại phòng bầu dục, mà cái phương diện quốc gia to đến nỗi trùm cả thế giới đâu có sút mẻ chút nào. Dẫu sau đó ngài tổng thống đẹp giai được nhiều em mê đắm mê đuôi, phải đi bằng đầu gói từ phòng bầu dục đến tận phòng Hillary để van xin nàng đừng có mà làm âm ỉ.

Quyền lực thứ tư của nước Mỹ là giới báo chí thì chẳng những không đánh cho mẻ đầu sút trán mà lại còn vỗ tay hoan hô, vì chuyện “mần tại chỗ” của tông tông là một tin cực hot, tha hồ mà hốt bạc cắc.

Còn phương diện quốc gia của Việt Nam ta, tuy không to như Mỹ nhưng cũng không đến nỗi nhỏ như xứ Congo vì đã từng đánh Pháp đuối Mỹ, đó là chưa nói tới ánh hào quang xưa đã từng ba lần đánh thắng quân Nguyên.

Vậy nên chẳng những được mời sang trời tây nghe nhạc giao hưởng, mà còn được đón khách sộp tới thăm chơi, rất chi là nòng ắm, hữu hảo.

Vậy mà các ngài vớt mẹ nó đi, nên một vị đang ngồi trong nhà hát to rộng thơm tho, giữa lúc mọi người đang thả hồn lâng lâng nghe những giai điệu bay bổng tuyệt vời, thì lại lấy giấy ra mà quạt phành phạch, phành phạch.

Một vị nữa tuy là nữ lưu mà lại không khép nép dịu dàng, thay vì rải cảm từ từ và nhẹ nhàng thì lại bung cả cảo trút mẹ nó xuống hồ cho xong việc, rồi phải tay đứng dậy (rất may là không phải phải đi) khiến cho tổng thống da màu sô cô la đầu tiên của Mỹ về đến tận Nhà trắng rồi mà vẫn còn điên cái đầu, không hiểu sao mình lại gặp cái con mẹ lạ lùng như thế, giống như một mụ nạ dòng nào đó ở châu Phi!

Có nhẽ các vị đó nghĩ mình là một trong bốn vị vua nên đêch sợ tội khi quân, và chỉ có chuyện chán cơm thèm phở mới bị nội bộ đóng kín cửa kiểm điểm, chứ nhằm nhò gì ba cái chuyện nghe nhạc hay cho cá dù là cá của Bác ăn.

Có biết đâu rằng phương diện quốc gia là từ những chuyện nhỏ như tắm xia răng, là cách ứng xử sao cho thế giới trông vào không đến nỗi bị chê là lạc hậu nếu không muốn nói là mọi rợ.

Nhiều người ra nước ngoài không dám nhận mình là người Việt, nói trớ ra là Nhật hay Hàn, vì sợ đánh đồng với đám đồng bào bắt trộm chó để giết thịt hay quen thói chôm chia ở các siêu thị.

Họ xấu hổ vì cái phương diện quốc gia dù rất nhỏ bé của một công dân tầm thường, cũng cần phải trân trọng giữ gìn, chứ đâu có thể đem ra mà biêu riếu như thế..

Cũng như yêu nước nói cho to chứ thực ra là yêu cái nhà của mình và phương diện quốc gia cũng chỉ là cái phẩm cách của mỗi một con người mà thôi.

Sở dĩ nó to và đáng nể như thế vì chức càng lớn thì nó càng to, lên đến nguyên thủ quốc gia thì nó gần như thiêng liêng.

Không giữ được nó, cũng giống như không giữ được nước, để tiếng xấu cho muôn đời sau.

*10/9/2019*

## ĐÓI TRỊ và NO TRỊ

Đói, thời nào cũng đáng sợ. Không chỉ giết chết nhiều người mà còn có thể giết chết cả chế độ, nhất là chế độ ấy vừa mới cướp được chỉ bằng tay không, như thời Việt Minh năm 1945.

Đảng CS lúc ấy núp sau váy những người mẹ đi cướp kho thóc của Nhật để cứu đàn con khỏi chết đói, đã rất ma lanh kêu gọi cả nước chống giặc đói.

Gạo từ miền Nam liền được chở ra Bắc và nhờ vậy mà không có thêm triệu người nào nữa phải chết sau khi đã có đến 2 triệu người chết trong nạn đói kinh hoàng năm Ất Dậu. Chẳng những được tiếng là diệt được giặc đói, mà Đảng còn cứu được chế độ non trẻ giữa muôn ngàn đánh phá của thù trong giặc ngoài.

Và rồi, từ trong núi rừng Việt Bắc, dù đói xanh xương nhưng không đến nỗi chết, Đảng nhận ra rằng, không cách trị dân nào thâm độc và hiệu quả hơn là nắm lấy cái bao tử của mỗi người.

Con người khi bị đói trông thảm hơn cả một con chó đói. Như hàng triệu dân Do Thái, đang cao ráo đẹp mã, đã biến thành những bộ xương kinh dị mọc meo trong các trại tập trung của Đức Quốc xã.

Hay như hình ảnh thê thảm đứa bé gái châu Phi mà Kevin Carter đã chụp được, đang nằm gục trên sỏi đá bên cạnh một con chim ăn xác thối đang đứng chờ.

Bức ảnh, dù được giải báo chí Pulitzer danh giá, nhưng vẫn bị cả thế giới phẫn nộ, vì cái cách nhà nhiếp ảnh bình thản ngồi đợi con kèn kèn bước tới gần đứa bé, thay vì đuổi nó đi để chụp cho được bức hình có một không hai, rất lạnh lùng tàn nhẫn.

Anh ta, sau đó, đã phải trả giá bằng cái chết của chính mình vì bị lương tâm cắn vặt.

Cũng, không chỉ một mà có đến hàng vạn, những bộ xương như thế trong các trại tù cải tạo sau 75, nhưng chẳng ai thèm biết đến. Có thể là vì không có một



Kévin Carter nào lọt được vào các trại ấy, mà dù nếu có, thì cũng chẳng thấy một con kèn kèn nào, ngoài những ông những bà cán bộ, cùng một giòng máu anh em với những người tù, đang bình thân đứng dung hơn cả những tên phát xít.

Đâu biết rằng, đó chính là những con kèn kèn, không chỉ một mà có đến cả ngàn, mang bộ mặt người.

Đảng đã nắm chặt lấy cái bao tử họ, những con người đã từng chống đối bằng súng đạn, bằng ngòi bút và sẽ chống đến cùng nếu không bị bỏ đói. Cho nên chỉ có một vài cuộc vượt ngục lẻ tẻ chứ không có một cuộc nổi dậy nào, đủ sức đánh động cả thế giới.

Cai trị một cách bá đạo như thế, gọi nôm na là “đói trị”.

Vì bị đói trị nên dân miền Nam dù sống trên vựa lúa của cả nước mà vẫn phải ăn bo bo. Ăn như thế, thì còn hơi sức đâu mà lên đường với xuống đường!

Dân miền Bắc, sợ dĩ “một lòng” đi theo Đảng, cũng chỉ vì cái sở gạo chết tiệt, giống như con chó ốm đi theo cái dây xích chó.

Xin đưa ra một ví dụ: Nguyễn Hữu Đang, người có công xây dựng lễ đài để Bác đọc tuyên ngôn, từng giữ chức thứ trưởng bộ văn hóa, chỉ một lần xin chút tự do cho văn nghệ sĩ mà bị án tù đến những 15 năm, bị quản thúc đến 20 năm, không có sở gạo phải ăn cả cóc nhái để sống.

Thêm một ví dụ khác: Trần Đức Thảo, nhà hùng biện từng tranh luận với J.P.Sartre, đã bỏ cả danh vị giáo sư ở Pháp, về Việt Nam tham gia kháng chiến, chỉ vì có ý kiến về cải cách ruộng đất, mà bị lấy lại sở gạo, sống lây lất, khi chết chỉ để lại một dùm tro dưới chân cầu thang.

Nhưng dân Hồng Kông ngày nay thì lại khác. Suốt mấy tháng qua, cứ như đến hẹn lại lên, chủ nhật nào cũng kéo nhau xuống đường đòi này đòi nọ, đông đến cả hàng triệu người.

Biểu tình mà đi cả nhà, đẩy xe nôi đưa con mọn cùng đi, có người lo tiếp thức ăn, tiếp nước uống, thoải mái như đi picnic...được thư thái hân hoan như vậy là nhờ họ sống mà không phải bị buộc chặt vào cái sở gạo.

Có lẽ trong các điều khoản trao trả Hồng Kông, chính phủ Anh nhất định không chịu để cho dân

Hồng Kông, dù sao cũng một thời đã được họ bảo trợ, bị Trung cộng nắm giữ cái bao tử.

Giờ đây, trước sức ép của kinh tế thị trường, Đảng buộc lòng phải đổi mới bằng cách trở lại như cũ, nghĩa là không siết cổ bằng cái sỏ gạo nữa, mà để dân được quyền làm chủ những sản phẩm do chính mình làm ra, vừa nuôi họ mà cũng vừa nuôi Đảng, nên chẳng những không đói ăn mà còn no ăn.

Thế là Đảng xoay ra, thay vì để bao tử lép kẹp thì lại tọng vào đầy đủ thứ, ít ra là bốn triệu đảng viên, chẳng những lúa gạo mà còn cả xi măng sắt thép, nhà cửa đất đai...nên cả chục triệu người đi theo Đảng là lẽ tất nhiên. Được Đảng bật đèn xanh, cho phép “ăn bất kể thứ gì” ngay cả hài cốt liệt sĩ, nên khẩu hiệu của bọn họ là “còn đảng còn mình”.

Đến như những “thơ viên” và “văn viên” trong hội nhà (v) ăn, đông đến những hơn bốn chục ngàn “viên”, chỉ cần Đảng “nhều” cho vài chục tỷ là đã nhảy cẫng lên reo mừng và thề đi theo Đảng đến...cuối thế kỷ 21!

Còn dân ư, đũa nào khôn thì a phù theo, cướp được bao nhiêu cứ việc ăn chơi xả láng, chưa đã thì đi Thái đi Hàn, nơi đó có các em chân dài chò

sẵn...đứa nào ngu thì chết đói ráng chịu, như những đứa trẻ ở Sơn La mà nhà toán học Ngô Bảo Châu bảo là trông như thời tiền sử.

Thời chống Mỹ, Đảng nhờ “tóm lấy thất lung” mà đánh, nên Mỹ phải rút.

Giờ Mỹ rút rồi, để chống lại nhân dân thì “tóm lấy bao tử” dân mà trị, nên dân cả nước đã biến thành súc vật trong cái trại súc vật khổng lồ có tên gọi là XHCN Việt Nam.

Vinh quang thay đảng cộng sản!

*11/9/2019*

## KIỆN

*Con kiến mà kiện củ khoai*

*Tục ngữ*

Kiến, thời nào mà chẳng có.

Xưa có anh nhà nghèo, cứ đờ tay nhà giàu nướng thịt là đem cơm ra ngồi ăn. Nhờ mùi thơm của thịt mà anh ta nuốt trôi được mấy bát cơm gạo hẩm. Tay nhà giàu tức mình đi kiện, quan bảo kiện đúng, thịt mà nó ngửi hết mùi rồi còn gì là thịt, và buộc anh nhà nghèo phải đền tiền không thì vào tù.

Biết rằng oan nhưng sợ phải đi tù, anh cũng cố mà vay mượn cho đủ số. Khi tiền được đem tới công đường, quan sai lính treo tiền lên, rồi bảo tay nhà giàu: “Thì tiền đây, thơm còn hơn cả thịt nướng, người cứ việc ngửi bao nhiêu lâu cũng được, nhưng không được mang về!”

Ở Pháp, mới đây có một khách sạn kiện con gà trống nhà bên cạnh, cứ mỗi sáng lại cất tiếng gáy ò ó o khiến cho khách không ngủ thêm được nữa.

Luật sư bên nguyên cho rằng con gà đã làm cho doanh thu của thân chủ mình sụt giảm, nên đòi bồi thường và tuyên án đuổi con gà đi chỗ khác, nếu cần thì nhà bếp của khách sạn sẽ giúp cho vào nồi.

Bên bị không có luật sư, nhưng Tòa vẫn xử con gà thắng kiện, vì ba lẽ sau đây:

Một là, gà trống là biểu tượng thiêng liêng của xứ Gaulois, đừng có mà động đến.

Hai là, gáy là bản tính tự nhiên của gà trống, xưa không có đồng hồ, chính tiếng gáy đã đánh thức mọi người dậy.

Ba là, theo điều tra của tòa, con gà đã được sinh ra từ trứng, được ấp nở và lớn lên trước khi có khách sạn.

Ở nước ta, khiếu kiện nhiều đến nỗi ngay cả con kiến cũng đi kiện, mà kiện củ khoai rất to, khoai thua nên bị kiến chén sạch.

Ba bản án nói trên đã được một vị quan thanh liêm, một tòa án pháp quyền và một đảng tạo hóa là tự nhiên xử rất công bình.

Xử một lần là xong ngay, đâu có kiện tới kiện lui, hết sơ thẩm đến thượng thẩm, đã chung thẩm rồi mà vẫn còn giám đốc thẩm, lòng vòng mãi rồi cuối cùng lại trả về địa phương, như tình trạng hiện nay.

Đó là tình cảnh oan trái của hàng vạn dân oan bị lấy mất đất, phải vác đơn đi kiện, có người vác đến vài chục ký, từ năm này sang năm nọ, từ đời cha chưa xong phải đến đời con.

Rồi từ chỗ có nhà trở thành kẻ không nhà, từ kẻ đủ ăn trở thành kẻ thiếu ăn, từ người lương thiện trở thành những kẻ phản động bị các thế lực thù địch xúi giục (dưới mắt nhìn của nhà nước).

Như cụ Nguyễn Du đã than: tiếng oan dậy đất, án mờ lò mây!

Vậy nên, mới có một Đoàn Văn Vươn biết là không đi tới đâu (ngoài tới nhà tù là cái chắc) mà vẫn phải dùng đến súng hoa cải tự chế để chống lại và cả một làng Đồng Tâm rào làng quyết tử để giữ đất quyết liệt còn hơn cả thời chống Pháp.

Trông ra thế giới, thấy những nước ỷ lớn hiếp nước nhỏ đâu có khác gì tay nhà giàu kia ức hiếp anh nhà nghèo nọ.

Như Trung Quốc chiếm bãi cạn Scarborough của Philippines, Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Giờ lại cho tàu Hải Dương được hộ tống bởi tàu hải cảnh xâm nhập vào tận bãi Tư Chính ngang nhiên khảo sát tìm dầu khí, đòi đuổi giàn khoan của công ty Petro đi chỗ khác chơi.

Ngang ngược như vậy mà chỉ có mình anh Philippines dám đứng ra kiện ở tòa án quốc tế La Hay. Còn Việt Nam mình thì vẫn giữ nguyên truyền thống im lặng là vàng.

Cho dù anh Trung cộng coi tòa án quốc tế chẳng ra ký lô nào, vẫn cứ oang oang đường 9 đoạn và cái lưỡi bò dài thòng liếm hết biển Đông là của ông cha tổ tiên từ đời tam hoàng ngũ đế. Và nhất định không đi hầu tòa.

Nhưng tòa vẫn xử vắng mặt, phán quyết rằng China chẳng có cơ sở nào để tuyên bố đường 9 đoạn và Scarborough nằm hoàn toàn trong lãnh hải của Philippines.



Án quyết đưa ra được tất cả các nước trên thế giới, trừ Trung cộng, đều công nhận và Philippines coi như thắng kiện, có quyền ngẩng cao đầu thách thức Trung Quốc.

Thế thì, cái tòa án quốc tế kia, cũng công minh đấy chứ, xử theo luật văn minh chứ đâu phải luật rừng, hay luật chơi của bọn Mafia.

Nghe những tin cực hot như thế kẻ già này vừa sướng lại vừa khổ.

Sướng, là thấy được cái bản mặt tên tò của kẻ đi cướp đất, tuy to họng lớn mồm nhưng cũng không thể nào át được tiếng cười chê của cả thế giới.

Còn khổ là vì, tuy đảng lãnh đạo sáng suốt, nhưng cái tập thể đông đến 15 người lại không sáng bằng một người là Lý Thường Kiệt, khi ông tuyên bố trên sông Như Nguyệt:

*Nam quốc sơn hà nam đế cư*

*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm*

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Hay như Quang Trung Nguyễn Huệ: đánh đê cho răng đen tóc dài. Đánh cho nó biết nước Nam ta anh hùng tri hữu chủ.

Khổ vì trong nước nhiều nhân sĩ trí thức gửi thư kêu gọi nhà nước kiện Trung Quốc, ngoài nước, cũng đồng lòng ủng hộ mà các vị vẫn trùm chặn ngủ kỹ.

Hay là, hai nước núi liền núi sông liền sông, môi hở răng lạnh có chuyện gì thì đóng cửa dạy nhau (kiểu Đặng Tiểu Bình), chớ nên kiện cáo mà làm gì! Dẫu sao cũng cùng một màu cờ chỉ khác nhiều sao với ít sao, cùng một hệ tư tưởng (ác độc), thì việc nhón đã có anh cả no, đừng có hó hé, liệu hồn đấy!

Viết đến đây tôi lại nhớ đến cụ Nguyễn Tuân, đúng là muôn sống (sốt) phải biết sợ. Các ngài sợ là đúng, nhất là phải đối mặt với một tay anh chị khét tiếng như nhà họ Tập!

Chỉ thương con cháu đời sau, dẫu có khiêng cả tấn đơn đi kiện, thì sự cũng đã rồi. Cái việc đắp chặn ngủ kỹ, chính là cái mưu cút trâu để lâu hóa bùn của một tay Việt gian nào đấy hãy còn núp trong bóng tối, vậy thôi!

12/9/2019

## TÔI THỰC SỰ CẢM THẤY XẤU HỒ

Hơn 300 năm trước, bằng 24 chữ cái và 5 dấu các giáo sĩ dòng Tên và cha Đắc Lộ đã cơ bản ghi lại trên giấy thứ tiếng “hót như chim” của người Việt.

Đó là cánh cửa thần kỳ mở ra cho cả Đàng Trong và Đàng Ngoài cơ hội tiếp cận với văn minh Âu châu.

Tiếc thay cánh cửa ấy đã bị đóng sập.

Phải chi các chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong có được một phần mười cái tầm nhìn của Minh Trị thiên hoàng thì nước Việt Nam ta ngày hôm nay không cần phải đổ bao nhiêu xương máu mới giành được độc lập và dĩ nhiên không cần phải có một Điện Biên Phủ mới khiến cả thế giới kính phục.

Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du đã không phải viết bằng thứ chữ nôm khó đọc khó viết, nửa vay mượn của chữ Hán, nửa thêm thắt tùy tiện một cách rối rắm, thứ chữ mà giá như không có chữ quốc ngữ thì dù có ra sức đến đâu chắc chắn hãy còn một nửa nước mù chữ.

Một nước Nhật văn minh như thế, một nước Trung Hoa đang nuôi mộng bá quyền, vẫn đang loay hoay khốn khổ tìm cách La Tinh hóa thì ở ta, một đứa trẻ lớp một chỉ phải mất 3 tháng là có thể đọc thông viết thạo.

Sao mà dễ như lấy một viên kẹo trong túi.

Nhưng 300 năm trước, các giáo sĩ dòng Tên và cha Đắc Lộ không dễ như thế đâu. Trước hết họ phải học “thứ tiếng khó học khó nói như chim hót ấy”. Khó là vì những âm tiết lên bổng xuống trầm mà chỉ cần thay đổi một cái dấu trong 5 dấu là thành ra tiếng khác, chữ khác.

Chẳng những thông minh mà còn phải rất kiên trì nhẫn nại các giáo sĩ Bồ, Ý và cha Đắc Lộ mới có thể phát âm đúng, để từ đó tìm ra các ký tự. Nhận thấy các nguyên âm của la tinh không đủ, họ đặt thêm ă, â, ơ, ư. Rồi họ sử dụng các dấu huyền, sắc, nặng,

hỏi, ngã một cách tài tình để phân biệt các âm tiết trầm bổng.

Đồng ý, cha Đắc Lộ không phải là người phát kiến ra chữ quốc ngữ, nhưng ông là người có công tổng hợp, hệ thống hóa và sắp đặt để lần đầu tiên trên thế giới, in cuốn từ điển Việt-Bồ-La.

“Alexandre de Rhodes đã soạn cuốn từ điển khi nào? Không nghi ngờ gì nữa, trong những lần ông đến Việt Nam. Nhưng khoảng thời gian bảy năm ông ở xứ này luôn bị ngắt quãng bởi những lần đến rồi đi, từ giã rồi trở lại. Nếu lưu ý thêm rằng ông còn bị thúc bách bởi nhiệm vụ tổ chức truyền đạo và ông thường xuyên phải sống ở trong trạng thái bí mật hoặc nửa bí mật, một hoàn cảnh rất bất lợi cho công việc nghiên cứu ngữ nghĩa học, chúng ta có thể giả định, như Mục sư Bordreuil, rằng có lẽ ông đã làm cuốn từ điển trong thời gian khá dài tại Ma Cao, từ 1630 đến 1640: “Mặc dù ông không nói rõ trong các tác phẩm của mình, chúng tôi tin rằng Cha de Rhodes đã tận dụng khoảng mười năm yên ổn về tâm trí, nếu không phải để viết, thì ít nhất cũng là để đặt nền tảng cho hai cuốn sách quan trọng đối với Ki tô hữu An Nam và các nhà truyền giáo, chúng tôi muốn nói đến cuốn giáo lý và cuốn từ điển của ông.

” (Bordreuil, tr. 79) Mặt khác, thời gian ở Roma cho phép ông thực hiện thành công việc thu xếp tài chính để xuất bản tác phẩm của mình.

Cha Lèopold Cadière, người rất am hiểu vấn đề, nhấn mạnh vốn hiểu biết tiếng An Nam sâu sắc của ông: “Mọi điều liên quan đến tiếng An Nam, phương ngữ Bắc Bộ và phương ngữ Nam Kỳ đều không phải là bí mật đối với ông... Ông còn cho chúng ta biết về thực trạng của tiếng An Nam cổ, những phong tục, tập quán ngày nay không còn và những thông tin mà chúng ta không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác... Thêm nữa, về nghĩa của các từ, cuốn sách là một sự đảm bảo tuyệt đối, những khái niệm ngữ pháp ông thêm vào cuốn từ điển cho thấy ông hiểu biết sâu sắc về cấu trúc đôi khi rất phức tạp và tinh tế của cú pháp An Nam” (Cadière, 1915, tr. 238-39)

Cuốn “*Linguae Annamiticae seu Tunchinensis Brevis Declaratio*”, phần tóm tắt ngữ pháp tiếng An Nam gồm 31 trang ở cuối, “đưa ra một tổng quan vắn tắt về sự vận hành của tiếng An Nam. Ông dành 6 trong số 8 chương để bàn đến vấn đề từ loại trong tiếng Việt.” (Bref aperçu sur l’histoire de l’étude des

parties du discours vietnamien, tr. 143). Các chương này là:

- Chữ và âm tiết trong tiếng An Nam (Chương 1)
- Dấu thanh và các dấu của các nguyên âm (Chương 2)
- Danh từ, tính từ và phó từ (chương 3)
- Đại từ (Chương 4)
- Các đại từ khác (chương 5)
- Động từ (Chương 6)
- Các thành tố bất biến trong tiếng Việt (Chương 7)
- Một số thành tố của cú pháp (Chương 8)” \*

Có thể nói đây là khởi đầu cho ngữ pháp Việt Nam.

Đành rằng ông kiên nhẫn tìm cách la tinh hóa tiếng Việt là để truyền đạo, nhưng bảo rằng ông chẳng có công trạng gì với dân tộc Việt Nam là vô ơn. Còn cho rằng ông có tội vì tìm đường cho thực dân xâm chiếm nước ta lại càng hồ đồ hơn nữa ( Bùi Kha, công và tội của Đắc Lộ).

Khi các giáo sĩ dòng Tên và cha Đắc Lộ làm một công việc mà theo tôi, như Christop Colombo tìm ra châu Mỹ, các vị ấy chẳng bao giờ nghĩ rằng hậu thế sẽ ghi nhớ công ơn mình.

Nhưng biết ơn là bổn phận của mỗi chúng ta và các thế hệ mai sau. Cư xử bằng cách đem bia tưởng niệm làm bàn ăn và biến nơi đặt bia thành nơi đặt tượng tuyên truyền là hành động không xứng đáng đối với một dân tộc tự cho là có bốn ngàn năm văn hiến.

Là người có đôi chút dính líu với chữ viết, tôi thực sự cảm thấy xấu hổ.



## MÙA THU CỦA CÁC TRƯỞNG LÃO\*

Mặc dù đang ở cái tuổi lão giả an chi và đã đi qua hết mùa thu của cuộc đời, nhưng vì là một công dân hạng hai, nên tôi chỉ được gọi là lão già, chưa kể khi đọc bài viết của tôi có kẻ còn gọi là thằng già nhiều sự.

Trưởng lão, được dùng để thừa gửi các vị quyền cao chức trọng đã từng lừng lẫy một thời.

Như các vị từng là thủ tướng, chủ tịch quốc hội, chủ tịch nước và cao chót vót là tổng bí thư. Còn trong quân đội, bết lấm cũng từ hàng đại tá trở lên.

Có một thời đáng xấu hổ, giữa thủ đô Hà Nội, nhiều vị đại tá từng vào sinh ra tử ở chiến trường miền nam, khi trở về trong vinh quang lại ra ngồi via hè ... vá xe.

Hay tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp, với đồng lương hưu còm cõi đã bị cô con dâu là bác sĩ đem những thai nhi sinh non về nuôi chó bẹt giê, rồi phất lên, coi khinh cả bố chồng khiến ông buồn rầu lên biên giới để được chết.

Giờ, sau đổi mới thì đổi đời, các cụ đều hạ cánh an toàn. Cụ nào cũng nhà cao cửa rộng, nhiều cụ ngự trong những dinh thự còn lộng lẫy xa hoa hơn cả biệt thự của công tử Bạc Liêu ngày nào.

Có cụ thờ Bác bằng tượng vàng 24 cara, có cụ ngồi trên ngai chạm đầu rồng, có cụ bê nguyên cả một trống đồng nghìn năm văn hiến...

Đây là bề nổi của một tầng băng, còn bề chìm thì chỉ có trời mới biết được khối tài sản của các cụ lớn đến cỡ nào.

Mặc dù đã về vui thú điền viên, xin làm người tử tế, nhưng vẫn còn những thuộc hạ đủ sức giúp các cụ ngồi trong bóng tối mà vẫn thao túng cả chính trường và thị trường.

Nhiều lệnh được ban ra: khử thằng này, diệt thằng kia, ném cút vào nhà nó, đốt đi! Đốt nữa đi, cho nó học máu, làm cho nó đột quy... cứ như các băng đảng Mafia khét tiếng.

Đúng là các cụ bây giờ vừa lạnh lùng tàn nhẫn, vừa quyền uy đáng sợ như nhân vật bố già trong bộ phim nổi tiếng Godfather.

Đó là các trưởng lão đã về vườn hay bị ép buộc phải về vườn. Còn các trưởng lão không thể về được vì đất nước đang cần, hay tưởng rằng đất nước không còn mình thì không còn đảng nên quyết tâm ngồi lại, thì quả thật hết sức bận rộn.

Mặc dù xây lò để đốt cho tiêu đời luôn thay vì ném mặ́m tộ̀m kiêu mặ́y con mẹ mặ́t gà, đưa vào lò chẳng những củi khô mà cả củi còn tươi, nhưng xem ra các băng đảng tiểu mafia vẫn coi như nợ pa.

Đó là chưa kể trùm giang hồ phương bắc, miệng thì thon thớt mười sáu chữ vàng mà trong nham hiểm cho hàng trăm tàu ngầm lặn dưới biển sâu chờ đánh úp.

Đại trưởng lão một mình tứ phương thọ địch, chỉ mới què chứ chưa chột đã là may.

Còn có một cụ, chỉ nghe thấy tiếng chứ không thấy hình, tên gọi là cách mạng mùa thu, có thể tôn lên hàng đại trưởng lão.

Cái mùa thu của cụ sao mà nó dài quá đỗi, kéo dài từ năm một chín bốn lăm đến nay, đã là ba phần tư của thế kỷ vẫn chưa chịu chết?!

Chết đi, chết giùm đi lão mùa thu già mắc dịch, chết đi để bài tình ca của Phạm Duy được vang lên trọn vẹn.

*Ta ngắt đi một chùm hoa cộng sản!*

*Em nhớ cho mùa thu*

*đã chết rồi!*

*Mùa thu đã chết*

*đã chết*

*đã chết*

*rồi!*

*Sương quá em!*

*Mùa thu đã*

*chết rồi!*

\*mượn tựa một truyện ngắn của G.Marquez

## BA CHÀNG THI SĨ TÊN SƠN

Một họ Trịnh, hai họ Nguyễn.

Chàng họ Trịnh, ai cũng biết là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Nhưng ngoài tài xếp 7 nốt thành những bản nhạc bay bổng tuyệt vời, còn có tài sử dụng tiếng Việt như một thi sĩ thực tài.

Văn Cao bảo Trịnh Công Sơn chọn chữ dễ dàng như thò tay vào túi áo. Có lẽ ông thấy vậy, chứ không phải vậy.

Trịnh Công Sơn tuy sinh ở Buôn Mê Thuộc, nhưng gốc Huế, học ở Huế, cái máu Huế điệu đàng và yêu thích thơ vẫn không ngừng chảy trong ông.

Mỗi chữ, mỗi hình ảnh được ông lựa chọn còn kỹ hơn cả Nguyễn Tuân.

Trong khi Nguyễn Tuân gõ lên từng chữ để nghe xem nó kêu leng keng ra sao rồi mới xếp vào đúng chỗ trong từng câu, thì Trịnh Công Sơn, một tay cầm điệu thuốc, một tay cầm ly rượu ngồi một mình trong yên lặng, lắng nghe từng chữ rơi xuống lòng mình như những giọt mưa ngoài hiên vắng. Những con chữ tìm đến nhau, ngân nga thánh thót... Thế là chàng dụi tàn thuốc, cạn ly rồi cầm lấy bút ghi lên giấy. Tôi tin Trịnh Công Sơn làm thơ trước khi viết nhạc. Và mỗi bản nhạc với lời là một bài thơ, có khi là lục bát, có khi bảy tám chữ, có khi tự do, khi nhạc được vang lên thì hồn thơ cũng bay lên theo.

*Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ  
Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao  
Nghe lá thu mưa reo mồn gót nhỏ  
Đường dài hun hút cho mắt thêm sâu*

*Mưa vẫn hay mưa trên hàng lá nhỏ  
Buổi chiều ngồi ngắm những chuyển mưa qua  
Trên bước chân em âm thầm lá đổ  
Chợt hồn xanh buốt cho mình xót xa*

*Chiều nay còn mưa sao em không lại  
Nhỡ mai trong cơn đau vùi  
Làm sao có nhau, hẳn lên nỗi đau  
Bước chân em xin về mau*

*Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động  
Làm sao em nhớ những vết chim di  
Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng  
Để người phiêu lãng quên mình lãng du*

*Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động  
Làm sao em biết bia đá không đau  
Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng  
Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau.*

Hồn thơ ở đây bay lên từ tầng tháp cổ, từ lá thu mưa reo mồn gót nhỏ, từ ngòi ngóng những chuyến xe qua...sau cùng đọng lại trong ta một cái gì tưởng chừng rất lạ, nhưng cũng rất quen, gần như chân lý khiến ta trầm ngâm, gật gù thắm thía

Đó là Làm sao em biết sỏi đá không đau.

Và ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau.

Thật khác hẳn với Em đến thăm anh một chiều mưa của Tô Vũ: mặt nhìn mặt cầm tay băng khuâng

không nói một câu để rồi lòng bồi hồi nhìn theo chân em chìm trong ngàn xanh và cầu mong em đến thăm một chiều thêu nắng và quên đường về.

Một bên nâng hồn ta lên, khiến ta từ cái riêng hòa vào cái chung. Còn một bên xui ta những ước mơ thường tình!

Một bên cần có nhau mà chưa có, nên nghe mưa trên tầng tháp cổ nó mới thật hiu hắt là buồn.

Một bên đã có nhau rồi, còn muốn có nhau nữa, và có nhau cả trong đêm, trong khi nàng một mình trên đường ngoài mưa, chân chìm trong ngàn xanh, tội nghiệp làm sao và cũng tàn nhẫn xiết bao!

Nhật Ngân và Y Vũ trong Tôi đưa em sang sông bàn tay nâng niu ân cần, sợ bết đất lấm gót chân, sợ bết gió buốt trái tim,...sợ lấm trong bùn khi mưa. Rất đàn ông và rất galant.

Vì vậy bản nhạc của Tô Vũ theo tôi tuy rất nổi tiếng nhưng không có hay có rất ít hồn thơ.

Không cầu kỳ như Mai Thảo, không gọt dũa như Đinh Hùng, cũng không làm ra vẻ dễ thương nũng



nụ như Nguyên Sa...chỉ là những câu những chữ,  
những hình ảnh bình thường như:

Mưa vẫn hay mưa

Mưa vẫn mưa bay

Buổi chiều ngồi ngóng

Làm sao em biết

Làm sao em nhớ...

mà sao vào trong khuôn nhạc của chàng rồi nở ra  
trên môi người ca sĩ, bỗng trở nên bóng bẩy thơm  
tho đến như vậy, nếu không phải phát sinh từ một thi  
sĩ thực tài như Hàn Mặc Tử hay Hồ Dzếnh.

Trịnh Công Sơn bóng bẩy điệu đàn một cách kín  
đáo, hay tài tình một cách tự nhiên khiến nhiều  
người gọi là thiên tài, thì chàng họ Nguyễn, tên Bắc  
Sơn lại ba gai bụi đời rất lính tráng.

Người ta nói nhiều về bốn câu thơ trước khi đi vào  
văn học sử đã nằm trên đầu môi của lính miền Nam:

*Mai ta đụng trận ta còn sống*

*Về ghé sông Mao phá phách chơi*

*Chia sót nỗi buồn cùng gái điếm*

*Đốt tiền mua vội một ngày vui!*

Cũng từ đây người ta tán rộng đến cả cuộc chiến tranh phi nghĩa, đến lý tưởng của thanh niên, đến nỗi cô đơn cùng cực phải chia sót nỗi buồn cùng gái điếm và cho rằng ít nhiều đã lý giải vì sao miền nam thua trận.

Cũng được thôi, bốn câu thơ này mà ở miền bắc thì không biết tác giả đã bị đem ra đấu tố bao nhiêu ngày bao nhiêu đêm trước khi bị tổng vào trại cải tạo không biết đến ngày ra tù.

Thực ra, đây chỉ là khẩu khí của một anh lính địa phương quân, một loại lính dùng để hợp lệ quân dịch cho những ai trốn lính, chỉ lẩn quản ở gần nhà, rất hiếm khi đụng trận, mà nếu có như tết Mậu Thân, thì tốt nhất là chuồn.

Cái khẩu khí của chàng còn dùng để trêu chọc cả người yêu, như bốn câu thơ cũng nổi tiếng không kém sau đây:

*Ta vốn ghét đàn bà như ghét cứt*

*Mà vì sao ta lại yêu em*

*Ôi mắt em nhìn như là bầy chuột*

*Ta quàng xiên nên đã sa chân.*

Nói cho oai vậy thôi, chứ cái “vốn ghét” ấy chỉ cần một cái nguýt thôi là bay sạch cả. Và một triệu bài thơ cũng chưa chuộc lại được nói chi đến một triệu đóa hoa hồng.

Tôi rất thích bài thơ chàng tâm sự với cha. Ông cụ là một đại tá quân chánh quy miền bắc.

Bài thơ có những câu thiệt thà như đêm:

*Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng*

*Và thế là ông từ tuổi thanh xuân*

*Cùng bạn bè đi làm cách mạng*

*Ông càng làm cách mạng chừng nào*

*Thì loài người càng thêm sặc máu*

*Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp*

*Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người*

*Tôi càng ca tụng chừng nào*

*Thì loài người càng xấu xa chừng nấy!*

Người ta thường nói không ai hiểu con bằng cha. Ở đây, phải nói ngược lại, không ai hiểu cha bằng con.

Đây không phải là lời buộc tội, mà là một sự thật vừa khùng khiếp vừa cay đắng. Hai chữ “sặc máu” rất du côn, rất xã hội đen, thật đúng với cái nước cộng hòa xã hội đen bây giờ.

Một chàng họ Nguyễn tên Đức Sơn còn độc đáo hơn nữa, gây sóng gió thi đàn với bài thơ chỉ có 3 từ:

Hột thì le

Chàng được xếp vào nhóm dị nhân mà nhóm trưởng dị thường nổi tiếng nhất là Bùi Giáng.

Chàng có bài thơ *Một mình nằm thở đủ kiểu* rất giống bài tập dưỡng sinh, hay hơn cả bài tập thở của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Bài thơ như vậy:

*Đầu tiên tôi thở cái phào*

*Bao nhiêu phiền não như trào ra theo*

*Nín hơi tôi thở cái phèo*

*Bao nhiêu mộng ảo bay về hư không*

*Sương nên tôi thở phập phồng*

*Mây bay gió thổi trời hồng muôn năm*

*Mai sau này chốn tôi nằm*

*Sao rơi lạnh lẽo âm thầm biển ru*

Lúc làm bài thơ này chàng vẫn còn trẻ trung khỏe mạnh, nên thở cái phào, rồi thở cái phèo, bây giờ già yếu “chàng” chỉ có thể nằm thở pheo pheo, để chờ ngày hết thở.

Ông có bài thơ mà tôi cho là cực kỳ dữ dội mà cũng cực kỳ tình cảm, rất lạ lùng có thể nói chỉ có Sơn Núi mới làm ra được mà thôi.

***Đêm thăm bạn sắp để ở Di Linh***

*Sắp để ở Di Linh cây cối chào chị*

*Sắp để ở hư không rừng và chị ôm nhau hát*

*Tôi dấu mặt đi ven hồ lạnh giá*

*Căn nhà gỗ phần mộ thanh xuân*

*Những ván thông dày đặc gỗ quan tài*

*Của tóc của chị của tình nhân*

*Của dương cầm bỏ phế đúng một năm*

*Sắp đẻ ở Di Linh cô đơn hùng dũng*

*Chị thu mình như con mèo mun*

*Chị thu mình như một vũ nữ Ba Lan*

*Chị thu mình như một đĩa hát cũ*

*Ôi nắng vàng dòng thác Gougah*

*Rừng và chị ôm nhau hát*

*Sẽ đẻ ra một đứa con*

*Rừng và chị ôm nhau chết.*

Thơ viết như thế này, nói theo các cụ xưa là động đến cả quỷ thần.

Người “chị” trong bài thơ là một nữ sĩ cũng rất dị kỳ, rất mực thông minh, rất mực tài hoa và là dịch giả miền nam chỉ xếp sau Bùi Giáng. Chị và đứa con

sinh ở Di Linh, sau 1975, bị lính Khome đỏ giết chết ở đảo Thổ Chu.

Nếu ai tin có linh hồn, đọc bài thơ này, sẽ thấy từ cõi hư vô chị linh hiển dắt con trở về.

Ba chàng ngự lâm pháo thủ có một chỗ đứng rất vẻ vang trong văn chương Pháp. Còn ba chàng Sơn thi sĩ, tôi cũng tin có một chỗ đứng xứng đáng trong nền nghệ thuật miền Nam, và khi đất nước thật sự thống nhất, thì hẳn nhiên được ngồi cùng hàng với các vị tiền bối.

*25/9/2019*

NGHE TIN DU TỬ LÊ MẮT,  
ĐỌC LẠI BÀI THƠ:  
ĐÊM, NHỚ TRĂNG SÀI GÒN!

*(Tùy bút)*

Đêm về theo vết xe lăn  
xe lăn, mà sao nghe như xe tang  
xe chở xác qua phường Dạ lạc  
của Văn Cao?!

dù cò đã thay  
dù tên thành phố đã đổi  
thì trái đất vẫn quay  
ngày vẫn đi và đêm vẫn tới  
xe vẫn lăn



và nhịp đời vẫn chuyển  
nhưng trăng Sài Gòn  
trăng của tôi thưở nào  
giờ đã là trăng viễn xứ  
trăng viễn xứ buồn xiết bao  
hồn tôi một thưở xanh phơi phới  
giờ ủ ê vàng vọt  
tôi đâu có đau gan đau phổi  
mà sao trông ốm yếu ho hen  
thì hãy đừng tìm tôi  
vì bạn sẽ thấy đèn thấp hai hàng  
như hai dãy nến cháy trên nắp áo quan  
Phố xá ngày xưa đông vui  
giờ hoang vu đến nỗi  
chỉ thấy cò đỏ trên cây  
và khẩu hiệu giăng ngang

như mạng nhện

Trần Dần thấy mưa sa trên màu cờ đỏ

tôi cũng chỉ thấy sương quàng cổ cây

chúng tôi lạc nhau

tôi và hồn của tôi

giữa thành phố hoang vu

tôi nổi chiêm trống gọi

mà hồn tôi vẫn mỗi ngày mỗi xa

Từng chuyến xe qua

và đêm vẫn về

tôi ngồi nhớ tôi

nhớ tôi xa lộ

nhớ nhà Hàng Xanh

nhớ mưa Thị Nghè

nhớ nắng Trương Minh Giảng

nhớ lá reo trên đường Tự Do  
giờ là Đồng Khởi mà không đồng hành  
nhớ em kim chỉ khâu tình  
trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre  
tội nghiệp làm sao  
khi thấy em cắt chiếc áo dài  
chiếc áo học trò  
hai phần gió thổi một phần mây  
chiếc áo mỗi khi em mặc  
cánh tay em mềm như cánh chim  
giờ may áo cụt  
để xuống ruộng nhiều đĩa  
học lao động  
học đan đất dưới khóm tre  
và tôi nhớ dù không muốn nhớ  
pho tượng người lính ngồi nhớ bạn bè đã chết

cây súng buồn đặt trên gối  
mắt buồn rung rung  
được đặt tên Thương Tiếc  
ở nghĩa trang quân đội Biên Hòa  
không muốn nhớ vì tượng đã bị cắt cụt đầu  
đem nung thành đồng nát

Bài thơ được làm năm một chín bảy tám  
năm mà ông và Mai Thảo  
bị kết án tử hình trên đài phát thanh  
năm mà Sài Gòn bị bao vây  
một cân gạo, một ký thịt cũng bị tịch thu  
năm ông đi làm ca hai ở đất nước người  
chỉ thui thui một mình với một vầng trăng  
năm mà con sông xưa thành phố cũ  
giờ đã xa rồi, xa thăm thẳm

chính vì vậy mà ông thấy trăng Sài Gòn

đẹp hơn trăng viễn xứ

và ông nhớ, không chỉ trăng mà cả mưa cả nắng, cả  
lá cây cả bụi đường

nhớ những gì gần gũi nhất

tâm thường nhất

mà cũng đau đớn nhất

không như Trịnh Công Sơn ở trong nước

thoải mái nhớ ly chè quen

nhớ ngựa thồ ngoại ô xa vắng

nhớ phố đêm đêm hàng quán xôn xao

Ông có bài thơ Khi tôi chết hãy đưa tôi ra biển

cũng như trường ca Mẹ về biển Đông

bởi vì đi hết biển Thái Bình là về tới Việt Nam quê  
nhà

là chấm hết nỗi đau của một người viễn xứ.

giờ, có thể thân xác ông nằm cạnh mẹ trên đất Mỹ  
nhưng hồn ông chắc đã lang thang trên phố Trương  
Minh Giảng, phố Thị Nghè và tìm đến nghĩa trang  
Biên Hòa, dù pho tượng người lính không còn nữa.

Bài thơ của ông đã xé nát tim tôi

buồn không viết thêm được nữa.

13/10/2019

### **Phụ Lục:**

(Nguồn: [www.thivien.net](http://www.thivien.net))

### **Đêm, nhớ trăng Sài Gòn**

**(thơ Du Tử Lê)**

*Đêm về theo vết xe lăn  
Tôi trăng viễn xứ hồn thanh niên vàng  
Tìm tôi đèn thấp hai hàng  
Lạc nhau cuối phố sương quàng cỏ cây*

*Ngỡ hôn ta xứ mưa bay  
Tôi chiêm trống gọi mỗi ngày mỗi xa  
Đêm về theo bánh xe qua  
Nhớ em xa lộ nhớ nhà Hàng Xanh*

*Nhớ em kim chỉ khâu tình  
Trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre  
Nhớ mưa buồn khắp Thị Nghè  
Nắng Trương Minh Giảng trưa hè Tự Do*

*Nhớ nghĩa trang quê hương bạn bè  
Nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường  
Đêm về theo vết xe lăn  
Tôi trắng viễn xứ sầu em bến nào?*

## MỘT MÌNH QUA PHỐ

Bốn chữ này tôi mượn của Trịnh Công Sơn, không phải để âm thầm nhớ nhớ tên em nào, mà để nhớ lại một thời để yêu và một thời để chết.

Đó là thời của những năm sáu mươi, bảy mươi, thời của hai mươi năm nội chiến từng ngày, thời mà nằm ngủ trên giường, ngồi quán cà phê hay đi xe đò cũng chết huống gì ra mặt trận.

Thời đó, những người con trai mới lớn, vừa bước chân vào đời đã phải đối diện với cái chết, thì tổ quốc, tương lai...chỉ là những tên gọi mơ hồ, tuyệt vọng... chỉ có em, chỉ có tình yêu dù đơn phương, mới là tất cả.

Em là chút mầm xanh của cây đời đang gãy đổ. Em là đóa hoa súng trên mặt hồ lạnh lẽo. Em mong manh, nhưng quý hóa biết chừng nào.



Thì đúng là may mà có em, cuộc đời mới dễ thương, nếu không, Vũ Hữu Định trên đường ra biên giới khác nào tử tội ra pháp trường.

Một mình, đương nhiên là chỉ một người. Nhưng không phải một mình trên đường lớn rất triết của Tô Thùy Yên, cũng không phải một mình đứng giữa quảng chợ vợ rất cô đơn của Trần Tế Xương. Lại càng không phải một mình mình một bơ thờ vịn cây cây ngã vịn bờ bờ xiêu rất tuyệt vọng như trong ca dao.

Một mình qua phố, tuy mình ên, nhưng rất xôn xao vì còn có tên ai đó để nhớ, còn có ai tan trường về để làm lữ bước theo sau.

Một mình có thể là anh học trò nghèo bụng lép kẹp nhưng hồn đầy mộng mơ, có thể là nhà tu dù đã tu qua chín kiếp nhưng vẫn chưa rũ hết mùi tục lụy, cũng có thể là một cô học trò lãng mạn đang fall in love viết nên bài thơ này:

*Tôi đi trên đường nắng*

*Thương những buổi trưa vàng*

*Những bờ hoang xa vắng*

*Đôi tâm hồn lang thang*

*Kiểm tìm trên lối ngõ*

*Bàn chân yêu thương qua*

*Nhà ai in ngói đỏ*

*Trời xanh ôm mái nhà\**

Chữ phố, đứng một mình, không có thành, không có khu phía trước, cũng không có vắng có xa phía sau, rất trơ trọi, nhưng có thể phố mới trở nên thân quen ấm áp. Phố bỗng trở thành một người bạn cùng bước song hành để cho ta rù rì tâm sự.

Mặc dù xe ngựa ồn ào, kẻ đi người lại bon chen, ta vẫn thấy phố thật vắng, thật yên, phố vẫn đi theo ta lặng lẽ như bóng với hình.

Kìa là những cột đèn, những ban công, những mái lâu, rồi tháp chuông và trên cao là mây trắng...

Phố có mùi hương, có thể là của hoa dã quỳ vàng rực, có thể là của hoa ngọc lan đài các, hay hoa sữa nồng nàn, và nếu trời đang mưa, ta có thể nghe ra mùi của hương nước mưa mát lạnh.

Vì đi chỉ để mà đi, cần gì phải ngang qua những con phố sang trọng với cửa hiệu sáng choang, hàng hiệu đắt tiền hay những ba những bảy xập xình...

Thế rồi, trên những con phố nghèo, bỗng dung dưới một mái hiên hay một khung cửa nào đó, e ấp một mái tóc nghiêng nghiêng, mộng mơ một đôi mắt đuôi dài, thì dù lộn xộn, dù nhếch nhác đến đâu, ta vẫn thấy con phố bỗng trở nên giàu có sang trọng và sao mà nó lại sạch sẽ thơm tho đến như vậy.

Từ đây con phố có linh hồn, và ta bỗng trở nên chàng thi sĩ có thể làm thơ dù là thơ con cóc.

Vậy đó, cứ thế lững thững mà đi, vô tình mà bước, không cứ gì phải tìm ai, gặp ai, cứ đi như sông là phải chảy, mây là phải bay và mưa là phải rơi xuống.

Cái thời mới lớn của tôi đó, nó nhà quê, nó cả ngố làm sao! Nhưng dù đã xa thật xa, tận cùng trong quá khứ nhạt mờ, tôi vẫn thấy cậu ta bước đi chân không

hề mỗi, mắt nhìn đâu đâu, tưởng chừng như đang lạc bước vào chốn thần tiên. Và khi trông thấy con gái bay nhiều quá, những cánh tay mềm như cánh chim\*\*, cậu tưởng chừng cũng sắp bay lên. Ôi chao cậu muốn được ôm tất cả vào lòng chứ không chỉ một riêng ai.

Tham lam quá phải không, nhưng có như vậy mới đáng để cậu ta một mình qua phố chứ.

*26/9/2019*

\* thơ của Nguyễn thị Hoàng

\*\* thơ của Hoàng Trúc Ly

## TIẾNG NƯỚC TÔI

Đó là tiếng mẹ đẻ, và không riêng gì Phạm Duy, tôi cũng yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời.

Âm đầu tiên mà mọi đứa trẻ phát ra từ đôi môi bé xíu, là âm mờ/m/ cùng với tiếng khóc e..e.. a..a.. chỉ dăm bảy tháng sau khi sinh đã bập bẹ ma ma, me me. Rồi cùng với tiếng mẹ ru à ời, thành ra tiếng đầu lòng, tức là tiếng mẹ ời, má ời, chứ không thể và không bao giờ, ngay cả ở Liên xô, tiếng đầu lòng con gọi Xít ta lin\*.

Cho nên cái chủ nghĩa cộng sản thường huênh hoang bách chiến bách thắng, thực ra đã thất bại ngay từ khi mới ra đời.

Rồi tôi học nói, như con chim học nói trên cành lú lo. Bởi vì, như các cụ cố đạo Bồ Đào Nha, cách đây bốn trăm năm đã nghe các phụ nữ bản xứ, nói như chim hót.

Con chim không hót thành lời mà ra nhạc. Tiếng nước tôi cũng vậy, mỗi câu nói là những hợp âm cấu thành câu nhạc.

Bởi thế mới có ca dao, là những lời ca của đồng quê nội cỏ. Có hát chèo, hát quan họ ở bắc, có hò mái nhì, hò mái đẫy, hò bá trạo ở trung và trên một con đò với sông nước mênh mang ở phương nam, buồn quá hát chơi thành ra vọng cổ.

Những cô đi cấy lấy công, những dân chài, những cô lái đò nào ai biết nhạc, vậy mà vẫn hát được vì trong tiếng nói có nhạc, cứ ngân nga sẽ thành câu hát.

Mình về mình nhớ ta chẳng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.

Từ đó mà có thơ lục bát, có truyện Kiều, có Hồ Dzếnh, Huy Cận...

Không như thơ Đường luật với nhiều luật chặt chẽ như luật hình sự, ca dao chỉ cần âm thứ sáu của câu

tám vần với âm cuối của câu sáu, và cả hai đều vần bằng.

Vậy thôi, dễ dàng quá nên ai cũng có thể làm thơ được, mà ai cũng yêu thơ nên nước Việt Nam tự xưng là vương quốc thơ cũng phải thôi. Chỉ có điều, thơ không phải số nhiều mà phải có hồn. Cái ấy mới thực là khó. Ta gọi thi hào Nguyễn Du, nhưng Nguyễn Đình Chiểu là nhà yêu nước, tuy hai người cùng làm thơ lục bát, là vì cái hồn thơ nọ.

Từ đó, tôi nghiệm ra rằng, tiếng nước tôi rất giàu âm điệu và rất giàu tính từ.

Trước hết hãy nói về điệp ngữ, điệp âm.

*Sè sè nắm đất bên đàng*

*Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*

Thực khó mà dịch ra tiếng nước ngoài. Có thể dịch nghĩa được chứ không thể tìm ra chữ điệp âm.

Nhớ hồi còn đi học, thầy Cung Giũ Nguyễn đã mỉa mai những ai muốn dịch thơ tiếng Việt sang thơ tiếng Pháp với câu ca dao:

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều*

*soir soir pensé soir soir!*

Cũng câu đầu lục bát, cũng soir soir nhưng thật là  
gượng gạo, ngớ ngẩn.

Đến tính từ thì phải nói tiếng nước tôi quá giàu.  
Nhất là những tiếng chỉ về âm thanh, màu sắc.

*Một đèo một đèo, lại một đèo*

*Khen ai kéo tạc cảnh cheo leo*

*Cửa son đỏ loét tùm bum móc*

*Hòn đá xanh rì lún phún rêu*

*Lắt lẻo cảnh thông cơn gió giật*

*Đầm đĩa lá liễu giọt sương gieo*

*Hiên nhân quân tử ai mà chẳng*

*Mỏi gối chôn chân vẫn muốn trèo!*

*(Đèo Ba Dội của Hồ Xuân Hương)*

Đỏ ai mà dịch cho được đỏ loét tùm bum móc, xanh  
rì lún phún rêu, và lắt lẻo, đầm đĩa!



Ngoài đỏ loét, còn có đỏ khé, đỏ bầm. Ngoài xanh rì, có thêm xanh um, xanh lè, xanh lét...

Âm thanh thì mượn âm của tiếng động phát ra

Thùng thùng trống đánh ngũ liên

Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Còn có lanh canh, leng keng, tí tách, lú lo, xì xụp, hít hà...

Nhưng phong phú nhất là cách xưng hô.

Ngôi thứ nhất, ngoài tôi còn có ta, tao, tớ, mỗ, trẫm...

Ngôi thứ hai, ngoài mày còn có mi, ngươi, khanh, mình...

Ngôi thứ ba, ngoài nó còn hấn, chàng, nàng, thằng nọ, con nọ

Số nhiều thêm chúng, chúng ta, chúng tớ, chúng nó, chúng mày. Hay tụi bay, bọn bay...

Trải qua bốn ngàn năm, tiếng nước tôi cũng lặn độn nổi trôi theo mệnh nước.

Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu, buộc phải nói rất nhiều tiếng của Tàu.

Một trăm năm đô hộ giặc Tây, cũng bị chen vào không ít tiếng của Tây.

Có điều, ông cha ta đã biết nói theo giọng của mình, nên chẳng những đã không bị đánh mất mà còn làm giàu thêm. Như tổ quốc, gia đình, xã hội... hay nhà ga, xà phòng, bơ, bia...

Và gần một trăm năm đô hộ cộng sản, tiếng nước tôi đang bị làm cho méo mó, què quặt.

Bác Hồ gọi chiến sĩ gái, thế là cả miền bắc gọi lính thủy đánh bộ, máy bay lên thẳng, nhà đẻ... và giờ bị Hán hóa, cán bộ nào cũng khăn trương, triển khai, đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh. Đài tiếng nói Việt Nam thì ba rọi đến buồn cười. Như đi xe, gọi là tham gia giao thông, mười con voi thì gọi là mười cá thể voi...

Dù vậy, dân ba miền vẫn nói tiếng mẹ đẻ nghe như chim hót. Ở Bắc, tiếng nói như có mang theo một chút gió nên nghe rất sang. Khi vào miền trung có hơi uồn éo như tiếng Huế, tiếng Quảng. Lúc vào

nam thì lại chả chót, nững nịu nhất là con gái, như mùa nước nổi tràn bờ.

Và cũng tại miền nam, gặp nơi đất lành, tiếng nói lại nảy thêm cành thêm nhánh. Nào chèo đét ơ, nào quậy tá lả bùng binh, nào già cúp bình thiếc, nào cùi tận mạng...

Tôi không phải là nhà ngôn ngữ học, tuy nói quàng nói xiên, nhưng là tiếng của lòng tôi, tiếng của mẹ dạy từ lúc nằm nôi, nói cường điệu là xuất phát từ trái tim. Đúng là tôi yêu tiếng nước tôi, nhưng không phải là thế lực thù địch, cũng không phải diễn tiến hòa bình.

*10/2019*

\*Tố Hữu lưu xá nạn nhân vì câu thơ này

## NỖI BUỒN MANG THEO

chết có mang theo được gì không?  
hãy hỏi Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng  
hãy hỏi Trần Bắc Hà, Trần Đại Quang  
xa hơn nữa, hãy hỏi Thành Cát Tư Hãn  
hãy hỏi Hitler, Mao Trạch Đông  
những người nắm tiền muôn bạc tỷ  
những người nắm sinh mệnh của cả triệu người  
những người làm lệch cán cân của tạo hóa  
hãy hỏi họ  
nhưng chỉ hỏi chơi thôi  
vì chẳng một ai trả lời  
vì chẳng còn gì để nói  
ngoài một tiếng  
không!

nhưng nếu hỏi những người chết ở Khe Sanh  
chết ở cô thành Quảng Trị  
chết trong đêm Mậu thân  
chết ở Hoàng Sa, Gạc ma  
chết ở vùng kinh tế mới  
chết trong trại cải tạo  
chết ở đôn công an  
thì hãy còn đó  
nỗi buồn chết oan!

tôi cũng vậy, dù tôi rất muốn mang theo  
một chút trời xanh qua kẽ lá  
một chút nắng bên hiên nhà  
một chút gió cho dài áo bay  
một chút mây cho màu mắt biếc  
một chút trăng cho sáng đường làng

một chút sao cho đêm bớt đen  
chỉ một chút thôi nhưng không được  
vì tôi còn đó  
nỗi buồn và nhục

buồn vì bãi Tư Chính Tàu phù quậy phá nát tan  
buồn vì Tàu khựa căng cờ chụp hình  
ở đóc Lết ở hòn Hèo  
ở Cà mau ở Phú quốc  
ở bất cứ nơi nào chúng muốn  
trong khi dân nước tôi không dám xâm lên ngực  
china get out

hỡi ơi, nỗi buồn tôi mang theo  
sâu như biển Đông thăm thẳm  
dài như rặng Trường sơn

xót xa như muối xót  
buốt nhức như dao đâm  
dù chỉ là hạt bụi  
và hồn tôi mong manh  
vẫn phải mang theo  
như Chúa vác cây thập tự  
leo lên đỉnh đồi Golgotha  
như Hamlet trăn trở  
to be or not to be?

buồn ơi thu xếp xong rồi  
theo chân tôi chớ ngậm ngùi làm chi  
làm chi cũng chẳng làm chi  
đầu có làm gì cũng thế mà thôi!\*

10/2019

## NHỮNG BÔNG HOA

Món quà dễ thương nhất mà thượng đế tặng cho loài người trên trái đất này, chính là những bông hoa.

Dù có người chồng tình nghĩa tặng vợ đến những 100 đóa hoa hồng để mừng sinh nhật thứ 100 của nàng, thì cũng không sánh được với Thượng đế, khi ngài tặng cả tỷ tỷ hoa đủ màu đủ loại, không chỉ mùa xuân mà ngay cả mùa đông băng giá, không chỉ những miền đất tốt tươi mà ngay cả núi đá khô cằn hay sa mạc nắng cháy.

Ở đâu có một ít hạt bụi là có hoa. Ngay cả trên một thanh sắt cũ, cũng nở ra những nụ hoa trắng bé xíu mà những người con của Phật gọi là hoa Ưu đàm.



Giá như không có hoa, thì trái đất đâu còn được gọi là tinh cầu xanh, mà cũng chỉ là một trái cầu không lồ, xám xịt như mặt trăng hay đỏ rực như sao Hỏa. Và nhân loại khi đó chắc sẽ sống như những con trùn đất, làm gì có thơ có nhạc, và những con trùn cũng chỉ có thể tặng nhau một chút nước bọt dẻo queo, vậy thôi.

Thế mới biết thượng đế vô cùng độ lượng và hào phóng.

Hoa là của Thượng đế, nhưng con người lại đặt tên cho hoa. Ấy thế, nên cùng một loại hoa, mà người Pháp gọi là rose, người miền bắc gọi là hồng, người nam gọi là hường, còn người Mohican gọi là gì chỉ có họ biết thôi.

Thường, người ta chọn những tên đẹp nhưt, như thủy tiên là nàng tiên trong nước, dạ lai hương là hương đến trong đêm. Hay tùy theo đặc thù của hoa, như hoa hướng dương vì hoa lúc nào cũng hướng về phía mặt trời, hoa mười giờ vì hoa nở từ mười giờ...

Nhưng cũng có nhiều tên thật xấu xí, như hoa mồm chó, hoa cứt lợn, tệ hơn nữa còn có hoa thúí địt! Những loại hoa này chắc là do những người ăn nói

cục mịch, đặt tên chẳng khác gì chỉ thẳng vào mặt hoa mà chửi. Thật tội nghiệp cho hoa.

Nhưng các nhạc sĩ khi đưa vào nhạc lại đặt tên một cách nâng niu, trù mến, như hoa trinh nữ, bông cỏ may.

Các nhà thơ còn hơn thế nữa, từ một loài hoa dại, nhờ những bài thơ của họ mà nổi danh hơn cả hoa hậu, như hoa sim trong màu tím hoa sim của Hữu Loan, hoa ti gôn của T.T.Kh. trong bài Hai sắc hoa ti gôn.

Cũng có một loài hoa bị gán ghép với lãnh tụ khiến cho hoa phải mắc cỡ đỏ mặt như hoa sen trong Tháp Mười đẹp nhất bông sen/ Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ. Câu lục bát này được một cán bộ nào đó phịa ra là ca dao, chứ không phải ca dao thiệt. Vì nếu người bình dân nam bộ đặt ra thì họ sẽ hát như thế này: Tháp Mười đẹp nhất bông sen/ Việt Nam đẹp nhất là tên cụ Hồ! Chữ “có” và chữ “bác” rất gượng ép, rất một giọng điệu tuyên truyền kiểu Lê Văn Tám.

Hoa vốn không có lời và tất cả đều đẹp, ngay cả hoa cứt lợn. Nhưng khi con người, nhất là người mình sử

dụng vào một mục đích nào đó, thì hoa cũng bị biến đổi theo.

Như Kiều, khi còn phong gấm rũ là thì hoa khô, đến lúc tan tác thì hoa giữa đường, và đến khi bị Hoạn Thư bắt làm nô tì, thì hoa nô, bình dân gọi là con sen, con ở. Và trong suốt 15 năm lưu lạc cô chỉ bán có mỗi một thứ trời cho, thứ mà Kiệt Tấn gọi là nụ hoa mướt rướt, nên để tránh cái tiếng con đĩ Kiều của cụ Ngô Tất Tố, cô được gọi là gái bán hoa.

Có một đạo, cả nước ồ ào vì muốn tìm một loài hoa để biểu trưng cho tổ quốc, gọi là quốc hoa. Có người đề nghị hoa sen, hoa cúc, hoa vạn thọ...ôm tòi cả lên. Đúng lúc đó, một vị tiên sĩ được coi như đại trí thức liền tung ra một trái bom, nổ tung văng miêng tùm lum: ngài Vũ Khiêu lớn tiếng đòi quốc hội lấy hoa mào gà làm quốc hoa!

Hoa mào gà thì tự nó chẳng có gì xấu, cũng chẳng có tội tình gì. Sở dĩ bị thiên hạ ném đá vì nó được dùng để chỉ cái của để dành của đàn ông, đã trở nên sần sùi vì bị bệnh lậu! Quốc hoa mà như thế sẽ trở thành quốc nhục!

Và hiện giờ, chẳng những cả nước Việt Nam anh hùng bắt khuất, mà cả thế giới, nhất là tổng thống

Trump của Mỹ đều phản đối cái xứ sở gọi là Tàu, tức Trung Hoa, về cái lưỡi bò và đường chín đoạn.

Trung Hoa là hoa nằm chính giữa, đẹp quá, tự hào quá đi chứ, nhưng bị nguyên rửa toi bởi vì cái mộng bá quyền của tân hoàng đế họ Tập, muốn làm chủ biển Đông để rồi làm chủ cả thế giới.

Chữ hoa đẹp để lại còn bị sử dụng một cách hèn hạ, là làm bầy để săn, như trăm hoa đua nở đã bầy cả nhóm Nhân văn giai phẩm sa vào lưới, trời gô bọn họ đưa vào tù.

Hoa của tạo hóa ban cho, tất cả đều sống chung đề huề trên mặt đất. Dù cụ Nguyễn Du bảo hoa ghen thua thắm là nói vậy chứ hoa đâu có tính ghen. Cũng như hoa không hề ý hoa lớn bắt nạt hoa nhỏ, không hề đánh nhau mẽ đầu sút trán. Không có một thứ gì trên đời này hiền như hoa, chịu chơi như hoa, phơi mở hết mình để cho con ong tổ cả đường đi lối về. Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết chứ hoa, ngay cả đánh nhẹ lên đàn bà cũng không.

Thế thì, hoa có xấu, có ác cũng bởi con người mà ra. Cái gì rơi vào tay con người cũng đều trở nên tội lỗi. Như trái táo của A dam, nếu không cắn một miếng thì đâu đến nỗi phải bị đày ra khỏi vườn địa đàng.

Dù vậy, trái đất có thêm hoa là một ơn phước lớn. Chẳng những hoa làm đẹp cho người mà còn biết cảm thông, biết an ủi đỡ dành. Như hoa nở vì người tù Tô Thùy Yên. Đóa hoa không tên ấy, cho dù không có mùi hương, vẫn là đóa hoa nhân ái nhất, không chỉ khép nép nở bên đường mà còn nở cả trong lòng thi sĩ.

Cảm ơn hoa đã vì ta nở.

Tôi cũng xin cảm ơn hoa, vì hoa mà tôi viết được bài viết này.

*10/2019*

## ĐẤT NƯỚC NÀY CHƯA MẤT KẸ CŨNG LẠ!

Một đất nước mà

Vua chẳng ra vua

Quan chẳng ra quan

Đồng chí không ra đồng chí

Dân làm chủ mà nghèo hơn đây đó

Một đất nước mà

Chiều chiều ra bến Ninh Kiều

Bác ơi có thấy dĩ nhiên hơn dân?!\*

Một đất nước mà

Rượu bia số một ai bằng

Sáng say chiều xỉn lãng quăng đầy đường

Đất nước gì làm ra tiền chảy máu con mắt  
Mà tiêu xài như tở phú đô la  
Đất nước gì tượng Bác Hồ mọc lên như nấm  
Mà nhà thương không đủ chỗ người nằm  
Đất nước gì đi chỗ nào cũng chặn  
Bê ô tê mãi lộ đứng nghênh ngang  
Đất nước gì sao không thềm tiến bộ\*\*  
Vẫn giậm chân tại chỗ suốt trăm năm  
Đất nước gì trên bảo dưới không nghe  
Mỗi một tỉnh là sứ quân một cõi

Đất nước mà với giặc thì hèn với dân thì ác  
Đất nước mà tướng lĩnh không biết đọc bản đồ quân  
sự  
Không biết cầm súng

Chỉ biết cầm tiền\*\*\*

Đất nước mà coi kẻ thù là bạn

Còn nhân dân yêu nước lại là thù

Đất nước mà bệnh lạ nghiệt ngã thay

Chủ tịch nước chết không nhắm mắt

Đất nước đó của tôi

Bốn ngàn năm rông rã ngược xuôi

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi\*\*\*\*

Chưa mất nước kẻ cũng là chuyện lạ!

15/10/2019

*\*ca dao mới*

*\*\*Phạm Chi Lan*

*\*\*\*Lê Mã Lương*

*\*\*\*\*Phạm Duy*



## NHỮNG CHIẾC LÁ

Bạn tôi, nhà viết kịch Lữ Kiều, từng có lần muốn viết một vở kịch không lời. Bối cảnh chỉ có một chiếc ghế dài. Nhân vật, một nam và một nữ.

Màn một: cả hai cùng rất trẻ, ngồi trên ghế, phía sau những khóm cây xanh non. Nhạc nền là những âm thanh trong treo của dương cầm.

Màn hai: vẫn chàng và nàng ngồi trên ghế, những khóm cây bắt đầu lớn lên, ra hoa. Rất nhiều hoa. Âm thanh có tiếng đàn, tiếng trống.

Màn ba: Chàng và nàng đã là hai người đàn ông và đàn bà. Âm thanh có thêm tiếng violon réo rất. Những khóm cây trĩu quả.

Màn bốn: Một ông già, một bà già. Vài chiếc lá rơi. Rồi lá đổ muôn trùng. Lá phủ kín cả sân khấu trong tiếng nhạc trầm buồn của contre bass.

Vở kịch nếu được trình diễn, có thể coi như nghệ thuật sắp đặt và tên của nó là Cuộc đời.

Cũng có một câu chuyện về những chai rượu như thế này:

Một nhóm bạn ở Mỹ trong thế chiến thứ hai, trước khi ra mặt trận, hẹn nhau ngày trở về sẽ gặp nhau một ngày nào đó, ở một nơi nào đó để uống mừng. Mỗi người nhớ mang theo một chai rượu.

Chiến tranh chấm dứt. Rất may là hũy còn đủ cả và không một ai bị thương. Họ gặp nhau rất vui, uống hết những chai rượu đã được mang tới.

Năm sau và nhiều năm sau nữa, họ vẫn gặp nhau, có cả vợ con, cùng uống mừng nhau được sống thêm một tuổi.

Rồi có người chết, những chai rượu cứ ít dần đi. Sau chỉ còn hai, cuối cùng chỉ còn một. Người chủ của chai rượu buồn quá, không uống nổi. Ông ta dặn con, khi ông chết hãy mang chai rượu chôn theo.

Cũng vẫn là cuộc đời, vẫn là nghệ thuật sắp đặt, nhưng người nghệ sĩ dấu mặt ai cũng biết đó là tạo hóa.

Những năm gần đây, bạn bè như những chiếc lá cứ rơi rụng dần. Cái chết của họ dù có tiếng khóc của vợ con, cũng chỉ gây nên một tiếng động rất khẽ như khi lá rơi chạm đất.

Cho dù được đưa tiễn đông đến hàng vạn người như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, hay cả ngàn người lặng lẽ đứng nép bên đường nghiêng mình chào như đại tá Nguyễn Văn Đông, đối với cuộc tồn sinh thì cũng chẳng hơn gì nhạc sĩ Trúc Phương, chết trong đói nghèo và quên lãng.

Buồn là buồn cho những chiếc lá cứ rơi rụng dần, cho những chai rượu cứ ít dần đi. Nếu sau một trận chiến khốc liệt, chỉ còn một mình mình sống sót, thì đó là cái may hiếm có. Nhưng trong cuộc tồn sinh, nếu là chiếc lá cuối cùng, hay chai rượu cuối cùng, thì không còn nỗi buồn nào buồn hơn.

Vậy nên, nếu phải sống trong khi những người cùng thời đều đã đi vào cõi trời quên, thì quả thật đáng sợ.

Giả sử 20 năm nữa mà vẫn còn sống, dù cho chế độ này có tiêu tòng thì cũng đâu có gì vui.

Bạn tôi, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, người viết rất hay về tuổi gió heo may, về già sao cho sướng, một hôm

bàng hoàng nhận ra cái thắc mắc rất bất ngờ: để làm gì?

Có nghĩa là tới lúc hết muốn sống nữa rồi, mới đó mà đã thấy mình đứng bên bờ huyệt. Cho nên nhiều người bảo sao mà muốn chết quá, là nói thiệt chứ không phải nói chơi.

Thế nhưng các có bảo những người muốn chết đó, thôi thì một hai ba chúng ta cùng chết, ai cũng bảo để coi lại đã, tưởng đã thu xếp xong rồi mà hình như vẫn chưa, có vẻ như đầu đó có tiếng nức nở, ông ơi (hay bà ơi), ông chết đi thì tôi biết sống với ai!

Cho nên, người nghệ sĩ sắp đặt dấu mặt là tạo hóa kia, tưởng là khắc nghiệt tàn nhẫn, thực ra vô cùng độ lượng, ngài sẽ giúp ta rời khỏi cuộc đời này một cách dứt khoát, một đi không trở lại, nếu không thì còn có thêm nhiều rắc rối nữa.

Thì thôi, chờ vậy.

## HẾT BIẾT!

Tin trên mạng: chính quyền trục xuất nhân viên tòa đại sứ Anh đến tìm hiểu thân nhân những người Việt đã chết trong xe đông lạnh!

Ngay khi chiếc xe chở họ vừa đến địa phận của xã, đã bị đưa vào trụ sở ủy ban, vặn vẹo tra hỏi suốt cả giờ đồng hồ, rồi tống xuất họ đi cho khuất mắt.

Người đưa tin bảo rằng chính quyền Hà Tĩnh, nơi được coi là cái nôi của cách mạng, cũng là nơi cá chết trắng biển, sợ thế giới biết cái nghèo cái đói của rất, rất nhiều người nên đã đuổi họ đi.

Rất may, họ là người Anh, nên dù có bực bội cũng không đến nỗi uất quá mà phải tự chọn một cái chết lãng xẹt với sợi dây thun.

Nhiều người bảo rằng, bọn họ ngây thơ quá, cứ tưởng mình là những điệp viên 007, nên cứ chỏ cái mũi (lõ) vào. Có biết đâu rằng, nơi đây đã có sẵn những siêu điệp viên không-không-thấy, ngay cả Nguyễn Bá Thanh, Trần Đại Quang và mới đây là Lê Hải An, chỉ trong chớp mắt đã phá được án.

Kẻ thì chết vì bệnh lạ, kẻ chết vì vấp phải một thanh gỗ nên (tự) bay qua khỏi lan can trên lầu tám mà rơi xuống đất, chết êm ru bà rù không một tiếng kêu, không một giọt máu.

Đó là chính sách ngoại giao nhất quán ba không.

Không-không-thấy!

Không-không-nghe!

Không-không-nói!

Hãy đọc George Orwell, để nhớ rằng đây chính là trại súc vật. Những con vật hơn con người ở chỗ có cái đuôi, để che cái chỗ xấu xí nhất đáng che!

Thế nên trước sự thực khiến cả thế giới bàng hoàng, bọn chúng chỉ biết cụp đuôi xuống.

Che đậy và che đậy! Từ bao lâu nay, chỉ có vậy mà thôi.

Những con thú mặt người còn có một cái miệng chẳng những để ăn không-chừa-một-thứ-gì mà còn để sữa.

Nhiều đũa trên mạng sữa rằng, cái con gì đẹp đẹp đó mê tư bản rẫy chết thì chết là đáng đời, thương cái nỗi gì!

Sữa như thế thì hết biết!

Và, cũng hết nói luôn!

## NHỤC CHƯA RỬA MÀ ĐẦU ĐÃ BẠC!\*

Xưa, Nguyễn Vỹ nhục vì bung thúng theo đàn bà  
Giờ, tôi nhục vì đám trẻ nhà quê mất dạy  
Đất nước tôi mất ải Nam Quan  
Mất thác Bản Dốc  
Mất Hoàng Sa/Gạc Ma  
Rồi sẽ mất Trường Sa/Tư Chính  
Mà chúng bảo chưa bao giờ đất nước đẹp như hôm nay  
Đẹp cái mả cha nhà nó!

Khi bọn chó sói phương bắc  
Cắn xé nát tan thịt da tổ quốc  
Máu nhuộm Lào cai  
Xương phơi Lũng cú



Nước sông Hồng đã đỏ càng thêm đỏ  
Sóng Bạch Đằng trắng lóa một màu tang  
Mà chúng vẫn lay mừng nị hảo!  
Nị cái mồ mẹ nó!

Từ nam chí bắc  
Từ Hải Phòng đến mũi Cà mau  
Nào tôm/nào cá  
Nào vàng đỏ/vàng đen  
Nào của ngon vật lạ  
Gái miền bắc trắng như bông bưởi  
Gái miền nam ngọt tựa dừa xiêm  
Hảo lớ hảo lớ  
Hảo cái bàn thờ nhà nó!

Tiếng nước tôi dễ nói dễ nghe

Có người bảo nghe như chim hót  
Thay vì nói hãy nhanh nhanh lên  
Chúng lại bảo khẩn trương trương khẩn  
Thay vì nói voi một con/vòi một cái  
Chúng lại bảo cá thể voi/cá thể vòi  
Cá thể tiên sư nhà nó

Cả một lũ thẳng thì ngoạ thẳng thì lú  
Cả một bầy con thì mít con thì lu  
Ăn của dân ăn đến cả cái đáy quần  
Ngu đến nổi thức canh Cu ba ngủ  
Đại dứt túi Maduro nửa tỷ mỹ kim  
Bảo rằng khôn bỏ đít đón đầu  
Khờ đến nổi quạ nghe phành phạch  
Nhạc thính phòng đâu phải chọi trâu  
Cho cá ăn mà ngõ heo ăn

Bụng cả cảo trút xuống hồ cái rụp

Ngu quá xá lâu!

Ngu bảy đời bần cố

Vậy mà chưa lòi được chúng ra đánh đòn

Chưa lột hết áo quần đem đi diễu phố

Chưa đưa nào chui vào ống cống như Gadaphi

Cũng chưa đưa nào bị treo cổ như Saddam Hussein

Chúng vẫn vo ve như ruồi như nhặng

Vẫn cao giọng chửi những ai yêu nước

Vẫn hăm he đòi hốt hết vào tù

Vẫn muôn năm trường trị!

Trường trị cái mụ nội!

Lỗi tại tôi!

Tại tôi hèn bắt chước Nguyễn Tuân

Phải biết sợ để mà sống sót

Sợ mất số gạo

Sợ đi kinh tế mới

Sợ lý lịch xấu hại đời con đời cháu

Sợ bị ném mắ m thôi vào nhà

Sợ được mời lên đồn công an làm việc

Sợ chết tự chọn với sợi dây thun

Bá ngọ tôi!

Vì quá sợ nên đành chịu nhục

Nhục chưa rửa mà đầu đã bạc

Vậy thì xin trọn kiếp mang theo

Hãy tin rằng nằm dưới mộ sâu

Cười sao nổi chi nằm mà khóc!

10/2019

*\*mượn ý thơ Đặng Dung*

## CHÔNG TÔI LÀ MỘT NHÀ THƠ!

Không còn ngờ gì nữa

Chông tôi là một nhà thơ

Một nhà thơ có nhãn mác hẳn hoi

Được gán bởi vua không ngại Tô Hữu

Đất nước tôi, một đất nước làm thơ

Nhiều như lá không ai đếm xuể

Như một đội quân

Có binh nhì đơ dèm cùi bắp

Có đại tướng vàng chóc bốn sao

Có thứ bực đảng hoàng

Gọi cho oai là đảng cấp

Chông tôi là đại tá thơ

Từng lăn lộn vào sinh ra tử

Từng đánh bọn Nhân Văn giai phẩm chạy dài

Từng đấu tố Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp

Từng ngợi ca Mao Trạch Đông vĩ đại

Giờ Tập Cận Bình hoàng đế muôn năm

Đại tá thơ nên có nhà lầu xe hơi là chuyện nhỏ

Không như Tấn Đà nghèo rớt mồng tơi

Ngồi giữa chợ dài lưng xem bói

Không như Hữu Loan thò đá oằn vai

Không như Quang Dũng đói ăn xiu lên xiu xuống

Lại càng không giống bọn làm thơ lẻ trái

Nhiều đũa chết rục trong tù

Chồng tôi vì đảng quên thân

Quên cả quê hương

Quên cả chính mình

Như con chó biết lúc nào cần phải sủa

Như con ngựa biết lúc nào cần phải khom lưng

Như Hàn Tín biết lúc nào cần phải luôn tròn luôn háng

Dẫu cho là háng đàn bà

Vì lẽ đó tôi quyết tâm li dị

Dù hứa tặng tôi một triệu bài thơ

Dù hứa đưa tôi lên đài cao ngất ngưỡng

Tôi cũng quyết đi thôi

Để mai sau các con tôi thành người

Làm nhà gì cũng được

Nhưng không làm nhà thơ!

*10/2019*

## TÌNH GIÀ

Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc trong khi bàn về cái gọi là già sao cho sướng, có đưa ra một lời khuyên: hãy bắt chước ông già lấy le bà già/ chiều chiều dắt ra bờ sông. Lãng mạn thật đấy! Nhưng hai người cũng sẽ rớt xuống sông là cái chắc. Xe cấp cứu sẽ hú còi inh ỏi và thiên hạ sẽ xầm xì rằng, đã già mà sao còn dại!

Dù được thân thiết gọi là bạn già, nhưng tôi chẳng dám đâu. Hãy để cái chuyện dắt ra bờ sông dành cho nhà văn Kiệt Tấn, thưở 17, đã cùng một em tên Tuyệt lăn lóc đến nỗi rớt xuống sông (ướt cái quần ni lon) mà vẫn tỉnh queo đèo vespa đưa em về nhà, dọc đường còn tí tởn yêu nhau chút chút.



Vẫn bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc kể lễ rằng, nhà âm nhạc học Trần Văn Khê, ở thì tít trên tầng cao của một chung cư, mà ăn thì lấy cơm từ trong tủ lạnh ra hấp trong lò điện, mặc dù tiếng tăm lừng lẫy nhưng giữa lòng Paris hoa lệ mà sống quạnh hiu như vậy, rất là đáng thương.

Nhưng bác sĩ Thân Trọng Minh lại bảo, tuy vậy, ông vẫn sống rất hạnh phúc vì cuối đời còn có một người yêu ông. Chỉ vào bức ảnh nằm lọt thỏm giữa những chồng sách đống tới trần nhà, bậc trưởng thượng bảo rằng, đây là mối tình già của hai người, bà yêu ông từ lâu nhưng chỉ sống với ông được vài tháng, rồi mất vì bệnh ung thư. Đương nhiên ông yêu bà không phải vì tóc em ướm mắt em ướm mà vì bà là kẻ tri âm, và hơn thế nữa, ông đã có những bữa ăn với cơm nóng canh sốt rất ấm áp nghĩa tình.

Thử còn lang thang, có một dạo tôi sống với một đôi vợ chồng già ở Tùng Nghĩa. Hai người không con cháu, sống trong một căn nhà gỗ ọp ẹp tận bìa rừng xa hút.

Ông trước kia, con một điền chủ ở đồng bằng Bắc bộ, theo lời bà, chỉ có mỗi một việc là ăn và chơi.

Còn bà là con một vị quan đầu tỉnh ở Thanh Hóa, mẹ mất sớm, rất được cưng chiều.

Những lúc rảnh rỗi bà kể, ông nhà tôi ngày trước ghen đáo đẽ. Được bố mẹ chồng mua cho một căn phố, tôi ra đó nấu cơm tháng. Có một anh làm quan huyện còn trẻ đến ăn, thế là ông uống rượu rồi thuê xe kéo chạy quanh suốt buổi, đợi khi anh ta đến, ông bảo phu xe dừng lại trước nhà, rồi nằm gác cẳng lên mà nhìn vào. Anh quan huyện hoảng quá không đến ăn nữa và tôi cũng đẹp tiệm luôn.

Khi di cư vào nam, nhất định không chịu sống ở thành phố, bảo rằng đến đâu cũng phải bỏ giày dép ngoài cửa, mất tự do, nên mua một cái rẫy và chôn chân từ đó đến giờ.

Bà cụ hồi ấy 60, hơn ông những 6 tuổi, vẫn đẹp người người và rất mực quý phái, khi đi ăn cưới, trang điểm vào trông như người 40, nhưng ông cụ không ghen nữa, chỉ đứng ngắm vợ và cười.

Cái môi tình vừa già vừa nghèo ấy, tình không ở đầu mày cuối mắt mà là ở những bữa ăn, đúng hơn là những bữa nhậu. Gọi là nhậu, chứ thực ra chỉ có nửa góc chai rượu, nửa trái cật hay vài trái chuối già, được bà chế biến rất khéo. Ông ngồi nhậu một mình,

thỉnh thoảng hát chèo và đánh trống miệng thì thùng.

Bà tôi, cũng yêu ông tôi bằng cái bánh tráng nướng, mấy miếng bánh hỏi mua về cho ông sau khi bán được cau, chuối trong vườn. Trong những đêm đông lạnh, chẳng những bà nhường cho ông tấm mền duy nhất trong nhà, mà còn đốt than ủ tro lót dưới gầm giường cho ông nằm. Khi còn sống bà thường cầm rằm ông để râu nhúng vào canh và hay bỏ quên khăn ở nhà người khác khi đi chúc Tết.

Vậy thì, xem ra cái tình của những người già ở xứ mình, nhất là những người đã thuộc về người của muôn năm cũ, nó tỉnh đến nỗi tưởng chừng họ là những kẻ xa lạ, chẳng những đã không lấy le đưa nhau ra bờ sông mà cũng chưa hề thốt ra một lời nào âu yếm. Chỉ có cần nhàn và cần nhàn!

Không như ở Mỹ sáng ông I love you, bà me too, rồi chiều có thay đổi chút ít, bà I love you và ông me too! Ở mình mà ỏn ẻn như vậy thế nào cũng bị mắng cho “biết rồi! khổ lắm! nói mãi!”

Bồ Tùng Linh có viết một truyện với cái nhan đề tình già, rất ngò ngộ như sau: có một ông cụ nọ chết đi chưa kịp chôn đã sống lại, hỏi sao, cụ bảo trên

đường xuống âm phủ, nghĩ thương bà vợ già, sống lủi thủi với đám con cháu, thế nào chẳng bị chúng nó tiếng nặng tiếng nhẹ, buồn lắm!. Thế là đòi quỹ dẫn về và gọi vợ ra cùng chết. Cả nhà ai cũng che miệng cười, bà cụ thì mắc cỡ vì trước mặt con cháu mà lại nằm chung giường với chồng coi sao được. Nhưng thấy ông cụ nghiêm sắc mặt, đành phải nằm kế bên. Thế là xuôi tay đi luôn.

Hóa ra, cái chữ tình của người già ít nhiều đều gắn với cái chết. Sống bên nhau mà bảo là oan gia, nhưng khi một người chết đi, người còn lại mới thấm thía thế nào là cái lẽ bóng.

Thật khác xa với cái xứ Macondo ở Nam Mỹ. Có

một ông già đã 90 tuổi, ham sống đến nỗi muốn rằng, trong đêm sinh nhật thứ chín mươi của mình phải là một đêm nhớ đời với một em hãy còn trinh. Và nhà chứa đã cho ông qua đêm với một con bé mà theo lời bà chủ, là hãy còn mang tã lót. Thấy cô bé có dáng nằm của đứa bé còn nằm trong bụng mẹ, đang ngủ say vì được bà chủ cho uống hợp chất đồng với lá cây gì đó để em khỏi hoảng sợ, thế là ông không hề động đến, chỉ hát ru cho em ngủ. Sau nhiều đêm như thế, ông mới nhận ra rằng dù đã

chung giường với hơn 500 người đàn bà, nhưng ông chỉ ăn bánh trả tiền chứ chưa hề biết đến tình yêu là gì. Giờ ông mới thực sự yêu em, biết ghen tuông như trai 17 và nguyện đem hết của cải và những ngày còn lại để làm cho em hạnh phúc.

Ở xứ mình mà còn sung đến thế sẽ bị mắng cho là già mất nết, hay già dịch, già dê.

Mà thôi, nói chơi vậy thôi, chứ già cúp bình thiếc như tôi mà nói tới chữ tình, nó lụp cụp giống như nhai bắp rang vậy.

## KHỔ VÌ SÁCH

Từ những chữ tượng hình, những mẫu tự la tinh, đến những nét loằng ngoằng giống như sợi mì gói, rồi tìm cách làm ra giấy để in thành sách, con người quả đã làm nên những điều kỳ diệu mà ngay cả thượng đế cũng không thể ngờ được.

Sách là cái dấu ấn rõ nét nhất của nhân loại trên tinh cầu này. Kinh Phật, kinh Thánh, rồi kinh Coran, từ lâu đã là những ngọn hải đăng cho những con tàu mất phương hướng vì bão tố của cuộc đời. Sách là tiếng vọng từ ngàn xưa còn vang dội mãi ngàn sau. Sách còn là bệ đỡ cho những tượng đài tư tưởng hùng tráng.

Cũng chính vì vậy, mà sách là lời nguyền không thể vượt qua được đối với những chế độ toàn trị. Cho nên, Tần Thủy hoàng đã đốt sách chôn học trò, và gần đây cộng sản miền bắc đã thiêu hủy tất tần tật

những gì được in trên giấy và giam cầm những nhà tư tưởng, nhà văn nhà thơ miền nam.

Trong muôn ngàn tội ác, thì cái tội lớn nhất chính là tội đốt sách.

Nhưng sách báo miền nam quá nhiều và thực ra những kẻ được coi là những hồng vệ binh mới tập tễnh ấy, cũng chỉ a dua chứ chưa thực lòng tin theo đảng, nên chỉ ít lâu sau lại thấy sách nằm phơi lĩa thể ở các vỉa hè và được những người mặc đồ bộ đội nhưng không phải bộ đội từ miền bắc, lấy có vào thăm miền nam để tìm mua, rồi thoải mái mang về như bộ đội mang búp bê bằng nhựa hay khung xe đạp. Có lẽ, đảng tin rằng họ được miễn nhiệm trước các nọc độc của văn hóa đồi trụy, vì đã được tiêm chủng nhiều đợt bằng thơ của Bác và thơ Tố Hữu.

Nhờ vậy mà sách miền nam thay vì bị thiêu rụi, lại làm một cuộc di cư thầm lặng từ nam ra bắc, âm thầm thế chỗ cho những Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Lênin toàn tập để giải phóng nhiều người đang bị giam giữ trong ngục tù tư tưởng.

Nhưng giờ đây, sau bốn mươi năm hơn, sách lại tràn ngập khắp nơi với những nhà sách khổng lồ, những con phố sách xinh xắn. Sách in trên giấy trắng thơm

tho, bì đủ màu đẹp lộng lẫy, giá cả nhiều lúc giảm đến 50%. Chỉ có điều, sách hay thì ít mà sách dở, sách bậy bạ thì nhiều vô số kể.

Ngày trước, nhiều người khổ vì bị cầm nhầm hay mượn rồi cố tình quên trả. Giờ thì ngược lại, khổ vì được tặng và bị tặng quá nhiều.

Và, bởi Việt Nam là vương quốc thơ, nên gần như nhà nhà đều in thơ. Các quán cà phê muốn có đông khách, nhất định phải thiết kế một sân khấu hoành tráng, để các nhà thơ đưa bạn bè đến ra mắt sách.

Thiệt là vui mà cũng thiệt là cực, nhất là những ai nổi tiếng (hay mang tiếng) là nhà văn, nhà thơ, thế nào cũng được (bị) mời cho bằng được. Khi ra về không có phong bì nhưng có cả một chồng sách được (bị) tặng nhiều đến nỗi phải thuê xích lô chở về nhà.

Khô nổi phòng văn của các vị đều nhỏ như cái lỗ mũi, giờ trở nên ngạt thở vì mùi mực in và mùi giấy mới. Sách chất cao đùng tràn, nhét chặt cứng dưới gầm giường, đi tới đi lui đều đùng sách. Có người xệnh xạng bị té gãy răng, u đầu. Có người, vợ ở dưới nhà bỗng nghe một cái rầm, hốt hoảng chạy lên, chỉ thấy sách và sách, máu mếu gọi anh ơi anh



hồi, mãi một lúc sau mới thấy chồng mình lóp ngóp bò ra. Cứ như sau một trận động đất.

Cái sự gọi là về thu xếp lại mà thu xếp hoài vẫn chưa xong, ấy là những sách được tặng và bị tặng. Bỏ đi ư, không được, vì đây là tâm huyết của cả một đời người. Anh ta không đủ sức và đủ tiền để ra mắt sách, nhưng dù nằm thoi thóp trên giường bệnh vẫn cố sức ký tặng, thì sao nỡ bỏ đi. Tội lắm, thương lắm!

Ngay cả bị tặng cũng không nỡ lòng nào. Dem cho bà bán bán ve chai, bà ta liền nhét vào giỏ cùng với bịch ni lon và đủ thứ hằm bà lằng, thấy nó tội tội làm sao. Đành phải xếp qua một bên rồi sẽ tính.

Có nhà nhạc sĩ nổi tiếng bảo khi chết hãy chôn theo tôi cây đàn. Thì mình cũng sẽ chôn theo vậy. Nhưng chôn cây đàn hay cây bút thì được, chứ chôn cả một kho sách thì hòm nào chứa nổi. Đó là chưa kể, khi xuống âm phủ, không chừng bị Diêm vương sai quỷ lấy chia ba xóc đem đi nướng vì cái tội chết mà còn mang theo sách.

Nhưng bắt chước người xưa, để lại cho con cháu, cũng không được nữa rồi. Đám con cháu bây giờ, chúng nó đâu còn thèm ngó ngàng gì tới sách. Muốn

tìm kiếm thứ gì, chỉ việc gõ vào đầu thằng Gù (gò), là tìm ra ngay.

Thế nên, trước khi xuôi tay nhắm mắt, nhìn đám con cháu đang sùi sụt hay giả bộ sụt sùi, mà thêu thào rằng, ta để lại cho chúng mày mỗi đứa một căn phố mặt tiền. Còn tiền mặt gửi ở ngân hàng, mỗi đứa nhận thêm một tỷ nữa, thì chúng lại khóc rống lên như còi xe chữa lửa, rằng ba ơi (hay má ơi) saoỡ bỏ chúng con mà đi.

Nhưng nếu đem hết sức tàn ra mà bảo, ba để lại cho các con cả một gia tài tinh thần đồ sộ là hàng ngàn quyển sách kia, thì chúng chỉ ngược mắt lên trần nhà, làm như không nghe không thấy, để rồi sau khi an táng xong, đứa nọ lại đùn đẩy cho đứa kia, ráng mà lãnh cái của nợ to đùng ấy.

Khổ vì mất sách và rồi khổ vì nhiều sách, trong một đời người mà chịu đến những hai cái khổ to như thế, kể cũng đáng thương thật.

10/2019

## ĐÓNG

*(Lời cuối của Khuất Đầu trước khi tạm chấm dứt loạt bài “Nghĩ vắn vợ cuối đời”):*

Bạn thân mến

Có nhiều chuyện muốn khóc mà không khóc được. Như chuyện Trà My và 38 người chết trong xe đông lạnh. Còn buồn hơn “em bé Napan”, bé Sirya và bé Phi châu.

Cả thế giới xúc động, nhưng thẳng lú thẳng ngoạ không hề lên tiếng. Chỉ muốn chửi thôi, mà tôi chửi không bằng ai, nên đành thôi vậy.

Tôi rất biết ơn bạn đã đưa những “nghĩ vắn vợ cuối đời” lên mạng,

Tôi cũng xin cảm ơn bạn đọc đã vẫn vợ suy nghĩ cùng tôi. Tôi thấy mình vẫn còn nợ bạn đọc rất nhiều. Tiếc rằng, tuổi già lại thêm bệnh tật, nên không dám hứa một điều gì.

Tôi đang ấp ủ về một truyện của những lưu dân ở Bình Định. Trở về xưa và nghĩ tới mai sau, tôi thấy dân tộc mình đâu có khác gì dân Do Thái.

Nỗi buồn cố xứ vẫn còn mãi mãi.

Xin tạm biệt với tất cả lòng yêu mến.

**KHUÁT ĐẦU**

NGHĨ VẤN VƠ, CUỐI ĐỜI, tập tản văn của Khuất Đầu, là tác phẩm thứ 62 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học:

**T.Vấn & Bạn Hữu**  
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về Tác giả  
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



